BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tiếng Việt

8

thuongmaitruongxua.vn

GD

thuongmaitr

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biên soạn :
NGUYỄN KÌ THỤC
Chỉnh lí :
DIỆP QUANG BAN - HỒNG DÂN

Tiếng Việt

8

ruongxua.vn

(Tái bản lần thứ 10)

Sử
Địa
Luyện
Bình

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Giám đốc PHẠM VĂN AN
Tổng biên tập NGUYỄN NHƯ Ý

Biên tập :
ĐỖ VIỆT HÙNG

Biên tập tái bản :
PHAN XUÂN THÀNH

Biên tập kĩ thuật :
TRẦN THU NGA

Sửa bản in :
LÊ NHƯ HÀ

Sắp chữ :
TRUNG TÂM CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

4(V)(075) / GD – 99 767/125 98 Mã số : 2H822T9

thuongmait

Tiết 1

HIỆN TƯỢNG CHUYỂN LOẠI CỦA TỪ

I – Tìm hiểu bài

1. Những từ sau đây thuộc từ loại nào ?

– hành động

– thắng lợi

– khó khăn

– suy nghĩ

2. Trong những câu sau đây, những từ in nghiêng được xếp vào từ loại nào ?

truongxua.vn

a) Càng gần *thắng lợi*, càng nhiều *khó khăn*.

b) Vấn đề *khó khăn* đấy.

c) Chúng tôi may mắn là gặp nhiều *thuận lợi*.

d) Công việc không *thuận lợi* mấy.

đ) Đó là một *hành động* đáng kính phục.

3. Cái gì giúp ta xác định từ loại cho các từ in nghiêng ở *điểm 2*.

II – Bài học

1. Hiện tượng chuyển loại của từ

Các từ trong tiếng Việt đã được xếp thành loại danh từ, động từ, tính từ, số từ, đại từ v.v... Có một số từ đảm nhiệm được vai trò của hai, ba từ loại ; hiện tượng này được gọi là chuyển loại. Người ta thường lấy từ loại mà một từ nào đó

thường hay được dùng làm căn cứ. Nếu từ đó đảm nhiệm vai trò từ loại khác nữa, thì coi như từ đó được chuyển loại.

Chẳng hạn từ *hành động* chỉ "hành động" nên trước hết được coi là động từ. Nếu từ *hành động* lại được dùng như danh từ thì đó là hiện tượng chuyển loại.

Ví dụ :

Nó *hành động* rất sáng suốt. (Động từ).

Đó là một *hành động* rất sáng suốt. (Danh từ).

Kịch hôm nay hay lắm. (Danh từ).

Nhưng nhận ra những ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất *kịch* của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp. (Tính từ).

(Nguyên Hồng)

Hiện tượng chuyển loại được xác định trong cách dùng từ trong câu, trong hoàn cảnh giao tiếp.

2. *Những cơ sở để xác định sự chuyển loại của từ*

a) Thử kết hợp với những từ dùng để kiểm chứng (về từ loại)

Danh từ có thể đứng sau *những, các, hai* (số từ), đứng trước *này, kia, nọ, ấy...* ; động từ có thể đứng sau *hãy, đừng, chớ*, đứng trước *rồi* ; tính từ có thể đứng sau *rất, quá*, đứng trước *lắm, quá*.

Với sự có mặt những từ kể trên, hoặc có thể thêm chúng vào đúng chỗ, ta có thể định loại cho từ, vì đó là dấu hiệu cho thấy ý nghĩa khái quát ngữ pháp của từ đã được biến đổi (chẳng hạn, từ ý nghĩa "hành động" sang ý nghĩa "sự vật"...).

Ví dụ :

– *Suy nghĩ* của anh rất đúng đắn. → **Những** *suy nghĩ* **đó** của anh rất đúng đắn.

– *Hành động* theo lối đó thì tốt hơn. → **Đừng (chớ, hãy)** *hành động* theo lối đó thì tốt hơn.

b) Chức năng cú pháp (thành phần câu)

Từ trực tiếp làm vị ngữ hoặc thành tố chính trong vị ngữ thường là động từ hoặc tính từ.

Ví dụ :

- Việc này **khó khăn** đấy ! (Làm vị ngữ).

- Bao giờ nó cũng **hành động** rất kiên quyết. (Thành tố chính trong vị ngữ).

Từ làm bổ ngữ chỉ đối tượng của hành động, trạng thái thường là danh từ :

Ví dụ :

- Cần phải khắc phục *khó khăn*. (Làm bổ ngữ trực tiếp).

- Tạo *thuận lợi* trong *khó khăn* trước mắt. (Làm bổ ngữ trực tiếp và bổ ngữ hoàn cảnh).

truongxua.vn

> **Hiện tượng chuyển loại của từ** *là khả năng của từ đảm nhiệm vai trò của hai, ba từ loại khác nhau. Có thể xác định từ loại cho những từ như vậy bằng cách :*
>
> *– Thử cho từ đó kết hợp với từ dùng để kiểm chứng (về từ loại).*
>
> *– Xét chức năng cú pháp (thành phần câu) của từ đó trong câu.*

III – Bài tập

1. Trong những câu sau đây, các từ in nghiêng xếp được vào từ loại nào ?

a) Nhiều lần, Xuân và những bạn cùng lứa tuổi với anh đã *tâm sự* với nhau.

(Nguyễn Đình Thi)

b) Hai người bạn cùng có chung những *tâm sự*, những nỗi niềm.

c) Kẻ sớm khuya *chài lưới* bên sông
Kẻ *cuốc cày* mưa nắng ngoài đồng.

(Tế Hanh)

d) Họ đi làm đồng về, *cuốc cày* đã được cất đâu vào đấy.

đ) Hai thầy trò Thanh Hương tiếp tục xuống núi, Bống *bước* từng *bước* chắc chắn.

2. Phân biệt danh từ và đại từ trong số các từ in nghiêng trong những câu sau đây :

a) Đứa nhỏ nói :

– *Con* mời *ông* vô xơi cơm ạ !

b) Bà mẹ bảo *con* :

– *Con* ra mời *ông* vô xơi cơm đi

3. Xác định từ loại của các từ in nghiêng trong các câu sau đây bằng cách nào ?

a) Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị *anh hùng* dân tộc vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc *anh hùng*.

(Hồ Chí Minh)

b) Ông Đẩu đang *bừa* trên đám ba sào làm nhờ của bà Bảy. Không trâu, phải *bừa* bằng người. Nhờ Hòe đứng lên trên *bừa*, còn ông mượn thêm Thiệt và Liêm cùng với Trợ nữa, làm trâu kéo *bừa*.

(Nguyễn Văn Bổng)

4. Những từ in nghiêng sau đây được dùng theo từ loại nào ? Đứng ngoài câu, chúng thường được xếp vào từ loại nào ?

a) Hàng bán rất *chạy*.

c) Tính cậu ấy rất *trẻ con*.

c) Sống một đời sống rất *quý tộc*.

d) Bữa cơm ấy rất *Việt Nam* và các khách châu Âu hôm đó đều thích.

thuongmaitr

5. Đặt 2 câu trong đó có từ vốn là danh từ được dùng như danh từ và được dùng như tính từ.

6. Đặt 2 câu trong đó có từ vốn là động từ được dùng như động từ và được dùng như danh từ.

Tiết 2

LUYỆN TẬP

I – Nội dung

1. Hiện tượng như thế nào được gọi là hiện tượng chuyển loại của từ ?

truongxua.vn

2. Hãy cho ví dụ về trường hợp danh từ đảm nhiệm vai trò của động từ.

3. Hãy cho ví dụ về trường hợp động từ đảm nhiệm vai trò của danh từ.

4. Hãy cho ví dụ về một trường hợp chuyển loại khác 2 trường hợp nói ở *điểm 2* và *3*.

5. Làm thế nào để xác định từ loại cho từ chưa rõ thuộc từ loại nào trong câu ?

II – Luyện tập

1. Chuyển một từ thuộc từ loại danh từ sang từ loại tính từ theo ví dụ sau đây :

– Thuốc này *người lớn* uống mỗi ngày 2 lần, mỗi lần 2 viên.

– Nó mới hơn 10 tuổi mà đã *người lớn* lắm rồi.

2. Chuyển một từ thuộc từ loại động từ sang từ loại danh từ theo ví dụ sau đây :

– Mấy hôm nay ông ấy *suy nghĩ* dữ lắm.

– Tôi rất trân trọng những *suy nghĩ* của bạn.

3. Dùng một danh từ riêng vào vai trò tính từ.

4. Hãy tìm một số từ vừa có khả năng chỉ công cụ để làm việc vừa có khả năng chỉ chính công việc đó. Đặt câu cho thấy hai khả năng đó của chúng.

5. Những danh từ thuộc lớp con nào thường được dùng như đại từ. Cho ví dụ minh họa.

6. Dùng danh từ *cái, con, sự, việc, cuộc, cách, nỗi, niềm, lòng* vào trước động từ, tính từ để có một **danh từ ghép** hoặc một **tổ hợp từ định danh**, theo các ví dụ sau đây :

– **cái** *đẹp*, **con** *lật đật* (danh từ ghép).

– **việc** *đào ao*, **việc** *anh nói với tôi* (tổ hợp định danh).

7. Tìm những từ có khả năng dùng với tư cách 2 hoặc 3 từ loại và cho ví dụ minh họa.

8. Những từ sau đây có thể có tư cách của từ loại nào ? Đặt câu minh họa những tư cách từ loại của chúng : *thắng lợi, thành công, tin, nghi ngờ, hoạt động, băn khoăn, lo âu.*

9. Viết một bài nhỏ hoặc một đoạn trong đó có từ đảm nhiệm được vai trò 2 hoặc 3 từ loại.

thuongmaitr

Tiết 3

ÔN TẬP

I – Hệ thống từ loại tiếng Việt

Từ loại	Ví dụ	Câu ví dụ dùng từ theo từ loại (HS tự đặt)
Danh từ	– thợ, học sinh ; mèo, ruồi ... – tre, mít, hoa nhài... – giếng, ao... – sắt, gỗ, nước, muối... – tiền, ma, kỉ niệm... – cái, con, cây...	Hoa nhài Trông Rất Đẹp
Động từ	– đập, đọc, hỏi, suy nghĩ, chạy... – ngủ, đứng... – nứt, vỡ... – bị, cần, nên...	Bạn Đong chạy Sao?
Tính từ	đẹp, nhanh, may mắn, lạnh...	bông Hoa này Rất Đẹp
Số từ	hai, mười hai, ba mươi...	hai mươi con bò
Đại từ	– tôi, chúng tôi, hắn, họ... – này, nọ, đó, đây, bây giờ... – ai, gì, nào, đâu, bao giờ...	Chúng tôi đang Bàn về Chuyến đi
Phụ từ	– đã, vừa, mới, cũng, đều... – rồi, lắm...	Tôi Mới Làm Xong
Định từ	– tất cả, cả (= tất cả), hết thảy... – mọi, mỗi, từng... – những, cái, mấy...	Tất cả đều Là niềm vui
Quan hệ từ	– và, với, cùng... – vì, nếu, tuy, để...	Vì Trời mưa nên đường trơn
Trợ từ	ơ, ư, à, ạ, hử, nghe, nhỉ, mà lại, chứ lị...	ông đi làm đấy à.
Thán từ	ôi, ối, ái, ô hay, than ôi, trời ơi...	Ôi! Cái móng tay này thật nhỏ chỉ bằng ngón tay út.

uongxua.vn

II – Hiện tượng chuyển loại

1. Xác định từ loại cho những từ gạch dưới :

Mồm bò không phải mồm bò mà lại mồm bò

(Câu đố)

Đây có phải là hiện tượng chuyển loại không ?

2. Xác định từ loại cho những từ gạch dưới sau đây :

Bà già đi chợ cầu Đông
Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng.
Thầy bói gieo quẻ nói rằng :
Lợi thì có lợi nhưng răng không còn.

(Ca dao)

Trong các từ đó, từ nào khó xác định từ loại ? Vì sao ?

Đây có phải là hiện tượng chuyển loại không ?

3. Tìm từ 3 đến 5 từ thuộc về hiện tượng chuyển loại và đặt câu minh họa chúng.

thuongmaitr

4. Tìm những từ đồng âm thuộc về những từ loại khác nhau và đặt câu minh họa chúng.

5. Viết một bài nhỏ hoặc đoạn văn dùng từ thuộc hiện tượng chuyển loại từ.

Tiết 4

Ý VÀ LỜI

Diễn đạt một sự việc bằng những lời khác nhau

I – Tìm hiểu bài

1. Trước một sự vật, sự việc, ta có thể dùng lời để nói về sự vật, sự việc đó. Vậy lời là cái gì ?

2. Hiểu như thế nào câu tục ngữ :

Lời nói chẳng mất tiền mua
Liệu lời mà nói cho vừa lòng nhau.

II – Bài học

1. Ý và lời

Lời là từ ngữ được tổ chức để diễn đạt ý nghĩa về sự vật, sự việc và các sắc thái ý nghĩa khác kèm theo. Lời có hai dạng tồn tại chính là dạng nói và dạng viết (ở đây chủ yếu bàn về trường hợp lời có độ dài bằng câu).

Ý là nội dung của sự suy nghĩ nhìn nhận, tìm hiểu, đánh giá... về sự vật, sự việc được phản ánh. Trong ý, ngoài sự vật, sự việc được phản ánh còn có cách nhìn nhận, đánh giá, tình cảm, cảm xúc nữa.

Ví dụ :

a) *Nàng Kiều là con người tài sắc mà bất hạnh*. (Nhận định sự vật).

b) *Nàng Kiều thật đáng thương*. (Đánh giá sự vật bằng một nhận định).

uongxua.vn

c)

Thương thay cũng một kiếp người
Hại thay mang lấy sắc tài mà chi.

(Nguyễn Du)

(Phản ánh sự việc có kèm bộc lộ cảm xúc.)

Ý được diễn đạt bằng lời và trong lời có ý.

2. Một sự việc được diễn đạt bằng những lời khác nhau

Như đã biết, trong ý có phần phản ánh sự vật, sự việc. Cùng một sự vật, sự việc có thể được diễn đạt bằng những lời khác nhau. Sự khác nhau này có hai mức độ chính :

– Thay đổi kiểu câu, vẫn giữ lại các từ ngữ.

– Diễn đạt khác hẳn về cả kiểu câu lẫn từ ngữ.

a) Thay đổi kiểu câu

Có thể dùng những kiểu câu khác nhau để diễn đạt cùng một sự việc : câu đơn hay câu ghép, câu chủ động hay câu bị

động, câu có đề ngữ hay câu không có đề ngữ, câu khẳng định hay câu phủ định, câu nghi vấn hay câu cầu khiến v.v...

Ví dụ :

– Con chó cắn con mèo. (Câu chủ động).

– Con mèo bị con chó cắn. (Câu bị động).

– *Quan*, người ta sợ cái uy của quyền thế. *Nghị Lại*, người ta sợ cái uy của đồng tiền. (Câu có đề ngữ).

(Nguyễn Công Hoan)

Câu này có thể chuyển thành :

Người ta sợ *quan* bởi cái uy của quyền thế. Người ta sợ *Nghị Lại* bởi cái uy của đồng tiền.

Hoặc : Người ta sợ cái uy quyền thế của *quan*. Người ta sợ cái uy đồng tiền của *Nghị Lại*.

Lựa chọn kiểu câu để diễn đạt sự việc lệ thuộc vào cách nhìn nhận sự việc và ý đồ của người tạo lời, mối quan hệ của câu đó với các câu khác và quy tắc ngữ pháp của ngôn ngữ cụ thể.

b) Dùng những cách diễn đạt khác nhau

Để diễn đạt một sự việc, ta có thể sử dụng những cách diễn đạt khác nhau ; dùng những từ ngữ khác nhau (có thể có một số từ ngữ giống nhau hoặc gần nhau phần nào) và cách cấu tạo chung của câu khác nhau. Chẳng hạn, 2 ví dụ sau đây cùng nói về tài năng toàn diện của Nguyễn Trãi mà mỗi ví dụ viết một cách (ở ví dụ 2, ta chỉ quan tâm đến điểm đầu trong việc đối chiếu với ví dụ 1).

Ví dụ 1 :

– Nhìn chung, Nguyễn Trãi trước hết là một anh hùng dân tộc, một con người chân chính, dũng cảm, đã phấn đấu suốt đời mình cho sự nghiệp độc lập và giàu mạnh của đất nước.

Bên cạnh đó, ông còn là một nhà văn hóa lớn với những cống hiến đột xuất về nhiều phương diện : tư tưởng thiên tài về chính trị, về quân sự, về triết học, ý thức tự hào về truyền thống văn hiến của dân tộc, quan niệm các dân tộc đều bình đẳng, nhận thức tiến bộ về vai trò của âm nhạc trong đời sống, những đóng góp về địa lí học v.v... Đặc biệt, Nguyễn Trãi cũng là một trong những nhà văn ưu tú bậc nhất của lịch sử văn học Việt Nam, một đỉnh cao của thế kỉ XV, người kết thúc chặng đường phát triển trên năm thế kỉ văn học thành văn đầu tiên mà nhiệm vụ trung tâm là tìm về dân tộc...

(Nguyễn Huệ Chi – *Từ điển Văn học – Tập II* – NXB KHXH – Hà Nội – 1984)

Ví dụ 2 :

– Nhìn chung, ở cuộc đời Nguyễn Trãi nổi lên 2 điểm cơ bản sau :

truongxua.vn

+ Nguyễn Trãi là bậc đại anh hùng dân tộc và là một nhân vật toàn tài số một của lịch sử Việt Nam trong thời đại phong kiến. Ở Nguyễn Trãi có một nhà chính trị, một nhà quân sự, một nhà ngoại giao, một nhà văn hóa, một nhà văn, một nhà thơ ở tầm cỡ kiệt xuất vĩ đại.

+ [Nhưng Nguyễn Trãi cũng lại là một người đã phải chịu nhiều oan khiên thảm khốc, do xã hội cũ gây nên tới mức hiếm có trong lịch sử dân tộc]. (Phần này nằm ngoài sự đối chiếu với *ví dụ 1*).

(Nguyễn Đình Chú)

Ở đây (xem các ví dụ) có sự chi phối của các kiểu loại văn bản (văn xuôi, sách nghiên cứu, sách giáo khoa...), của phong cách cá nhân v.v...

Lời *là từ ngữ dùng để diễn đạt ý. Lời có hai dạng tồn tại là dạng nói và viết.*

Ý *là nội dung ta suy nghĩ, nhìn nhận, tìm hiểu, đánh giá... về sự vật, sự việc được phản ánh. Trong ý, ngoài sự vật, sự việc được phản ánh, còn cách nhìn nhận sự vật, sự việc, còn có tình cảm, cảm xúc nữa.*

Ý được diễn đạt bằng lời và trong lời có ý.

Có thể dùng những lời khác nhau để diễn đạt cùng một sự việc. Việc này chịu sự chi phối của nhiều nhân tố, không thể tùy tiện.

III - Bài tập

1. Hãy đối chiếu 2 cách diễn đạt sau đây, cho biết cách diễn đạt nào có chứa sắc thái tình cảm, và sắc thái tình cảm đó nằm ở phần nào trong câu.

(a) Một tam giác có hai cạnh bằng nhau gọi là tam giác cân *(Hình học 7)*.

thuongmaitr

(b) Một tam giác có hai cạnh bằng nhau gọi là tam giác cân ạ.

2. Trong sách *Hình học 7*, có nêu định nghĩa về tam giác cân như sau :

(1) Một tam giác có hai cạnh bằng nhau gọi là tam giác cân.

(2) Hai cạnh bằng nhau gọi là hai cạnh bên, cạnh thứ ba gọi là cạnh đáy.

a) Nếu cần đặt câu hỏi cho câu (1) trong định nghĩa trên thì đặt như thế nào cho hợp với trật tự từ ngữ có sẵn trong câu ấy ?

b) Nếu câu hỏi như sau đây thì sẽ trả lời như thế nào cho hợp với trật tự từ ngữ trong câu hỏi ?

(b_1) Tam giác cân là tam giác như thế nào ?

(b_2) Tam giác như thế nào là tam giác cân ?

3. Cho sự việc sau đây, em hãy diễn đạt theo những cách khác nhau và giải thích chỗ khác nhau trong những cách diễn đạt đó :

Con chó vàng cắn con mèo đen.

4. Những lời nói sau đây về cá cảnh có kèm những sắc thái như thế nào (khen, chê, so sánh, nhận định) ?

a) Con cá này đẹp hơn phải không ?

b) Loại cá này cũng thường thôi !

c) Giống cá này chẳng dễ nuôi đâu.

d) Cái cô cá này xinh thật !

Tiết 5

HIỂN NGÔN VÀ HÀM NGÔN

truongxua.vn

I – Tìm hiểu bài

1. Những câu in nghiêng sau đây có thể có nội dung ý nghĩa giống nhau không ?

A – Bây giờ là mấy giờ nhỉ ?

B – *Bây giờ là 11 giờ. Muộn rồi đấy.*

A – Bây giờ là mấy giờ nhỉ ?

C – *Bây giờ đã 11 giờ rồi.*

2. Câu in nghiêng của ai trên đây trực tiếp nói ra sự muộn giờ ? Câu in nghiêng của ai không trực tiếp nói ra sự muộn giờ ?

3. Có thể diễn đạt cái nội dung ngầm ẩn trong câu in nghiêng sau đây ra một cách trực tiếp như thế nào ?

M – Mai có đi với mình lên chỗ ông bà mình không ?

N – *Mai mình phải giúp bố mình sửa cái bếp.*

II - Bài học

1. *Hiển ngôn*

Hiển ngôn là lời nói trong đó điều muốn nói được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ có ý nghĩa về điều đó. Có khi ta bảo nhau : Muốn nói gì thì cứ nói toạc ra ; đó chính là bảo nên dùng hiển ngôn để diễn đạt điều muốn nói.

Ví dụ :

Bống bế chú mèo trên tay nựng nịu. Bà cười bảo :

– Con đem nó vào bếp, buộc nó vào cái kiếng gãy vài hôm cho nó quen đi. Con khéo chăm cho nó chóng nhớn để nó bắt chuột. Nhà dạo này lắm chuột quá !

(Nguyễn Đình Thi)

Trong đoạn trích trên, tác giả dùng hiển ngôn miêu tả việc Bống bế mèo, việc bà nói với Bống. Tác giả cũng để cho bà Bống dùng hiển ngôn nói với Bống về việc chăm sóc mèo con.

2. *Hàm ngôn*

Hàm ngôn là cái điều muốn nói ra nhưng không dùng từ ngữ có ý nghĩa về nó để trực tiếp diễn đạt nó. Nói cách khác, nói bằng hàm ngôn là nói cái điều không được diễn đạt bằng những từ ngữ trực tiếp nói về nó.

Ví dụ :

Trong khi đang trò chuyện với nhau chẳng hạn, nếu có bạn nào đó thấy đã muộn giờ, bạn đó có thể nhắc bằng một câu :

– Đã năm giờ chiều rồi đấy.

Hoặc có thể hỏi :

– Mấy giờ rồi ấy nhỉ ?

Hai câu vừa nêu đều có hàm ngôn loại như "Đã muộn rồi đấy các bạn ơi", "Trò chuyện thế là đủ rồi đấy", "Chúng ta về đi thôi" v.v...

Cũng như đối với hiển ngôn, có thể dùng hàm ngôn với mục đích xác nhận một sự việc (như hàm ngôn "Đã muộn rồi đấy, các bạn ơi", "Trò chuyện thế là đủ lắm rồi đấy") với mục đích khuyên nhủ (như "Chúng ta về đi thôi"), hoặc với mục đích nào đó khác, như báo tin, hỏi, răn, đe, sai khiến, rủ rê, mời mọc v.v...

Nói hiển ngôn *là nói trực tiếp ra điều muốn nói.*

Nói hàm ngôn *là nói điều muốn nói bằng những từ ngữ không diễn đạt nó một cách trực tiếp.*

Có thể dùng hàm ngôn với mục đích xác nhận một sự việc, báo tin, với mục đích hỏi, khuyên nhủ, răn đe, sai khiến, rủ rê, mời mọc v.v...

III – Bài tập

1. Tìm hiểu hàm ngôn ẩn chứa trong câu in nghiêng sau đây :

A – Cậu Ất thi hỏng rồi.

B – *Nhà Ất đông miệng ăn quá.*

2. Trong một căn phòng thiếu ánh sáng, ta nghe 2 lời đối đáp sau đây, thử nêu rõ hàm ngôn ở mỗi lời :

A – Gió lạnh nhỉ ?

B – Đóng cửa lại thì tối quá.

truongxua.vn

3. Hãy nói lại một lời nói có chứa hàm ngôn mà em nghe được.

4. Đọc những lời trao đáp sau đây, em thấy có chỗ nào không ổn ? Vì sao ?

A – Khoai này ngon nhỉ !

B – Ờ ngon thật, mình có thể ăn no được.

C – Ngon đấy. Mà ở quê mình nhiều vô kể, toàn giã cho lợn (heo) ăn mà.

Tiết 6

LUYỆN TẬP

I – Nội dung

1. Trong ý nghĩa của câu, ngoài thành phần chỉ sự vật, sự việc, còn có thành phần nào nữa không ?

2. Tại sao trong câu hỏi và câu trả lời hằng ngày của người Việt Nam thường hay thấy có những từ như *hử, hở, hả, à, ư, a, nhỉ, nhớ, nhá* v.v...

3. Có phải *một* ý chỉ có thể diễn đạt bằng *một* lời không ?

4. Có phải *một* lời bao giờ cũng chỉ có *một* ý không ?

5. Nếu ta nói bằng lời này mà muốn người nghe hiểu ý khác, thì như vậy là ta nói bằng hiển ngôn hay bằng hàm ngôn ?

II – Bài tập

1. Đối chiếu 2 câu sau đây và cho biết điều nhận định về thời gian trong mỗi câu là như thế nào ? Có thể nói điều đó ra một cách trực tiếp như thế nào ?

– Bây giờ đã 11 giờ rồi.

– Bây giờ mới 11 giờ thôi.

2. Khi nhà đang có khách mà em muốn nhắc việc bố em thì em có nên nói kiểu như sau đây không : *Muộn rồi đấy bố ạ !* Vì sao ?

thuongmaitr

3. Để giải quyết tình huống nêu ở *bài tập 2*, em thấy nên làm cách nào ?

4. Khi bạn mình có lỗi với mình mà đã dám nói : "Ừ mình có chỗ chưa phải với cậu", thì có thể coi đó là lời xin lỗi không ?

5. Trong đoạn cuối của *Gió lạnh đầu mùa,* Thạch Lam viết :

Khi bác Hiên bước ra khỏi cửa, mẹ Sơn vẫy hai con lại gần, rồi âu yếm ôm vào lòng mà bảo :

– Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta không sợ mẹ mắng ư ?

Ta biết rằng trong khung cảnh đó, lời của bà mẹ là lời "trách yêu". Tuy nhiên qua lời trách ấy có thể thấy điều nào mẹ Sơn tán thành, điều nào mẹ Sơn nhắc nhở các con phải làm ? Hãy diễn đạt rõ 2 ý này ra thay cho lời "trách yêu" kia.

Tiết 7

CÂU PHỦ ĐỊNH, CÂU KHẲNG ĐỊNH

I - Tìm hiểu bài

1. Đọc phần trích sau đây :

Hoài Văn xô mấy người lính Thánh Dực ngã chúi, xăm xăm xuống bến. Một viên tướng hốt hoảng chạy tới, níu áo Hoài Văn lại. Quốc Toản tuốt gươm, mắt trừng lên một cách điên dại :

– Không buông ra, ta chém !

Lính ập đến giữ lấy Hoài Văn. Thực ra, vì nể chàng là một vương hầu, nên họ đã để cho chàng đứng đây từ sáng. Nay thấy Hoài Văn làm quá, viên tướng nói :

truongxua.vn

– Quân pháp vô thân. Hầu không có phận sự ở đây nên trở ra cho anh em làm việc. Nhược bằng khinh thường phép nước, anh em tất phải chiếu theo thượng lệnh.

Hoài Văn đỏ mặt bừng bừng, quát lớn :

– Ta xuống xin bệ kiến quan gia, không kẻ nào được giữ ta lại. Lôi thôi thì hãy nhìn lưỡi gươm này !

Viên tướng tái mặt, hô quân sĩ vây kín lấy Hoài Văn. Quốc Toản vung gươm múa tít, không ai dám tới gần. Tiếng kêu, tiếng thét náo động cả bến sông.

(Nguyễn Huy Tưởng)

2. Trong phần trích trên có những câu hoặc đoạn câu chứa từ *không*, cho biết mỗi từ *không* đó đi kèm với từ nào về mặt ý nghĩa.

3. Trong số những từ *không* trên đây, từ *không* nào tác dụng lên chủ ngữ, từ *không* nào tác dụng lên vị ngữ ?

II - Bài học

1. Câu phủ định

a) Về mặt ngữ pháp, câu phủ định là câu chứa những từ, tổ hợp từ mang ý nghĩa phủ định và vốn trước hết được dùng vào việc miêu tả sự vắng mặt của vật hay việc nào đó trong câu. (Ở đây chỉ xét câu tường thuật phủ định).

Ví dụ :

- Gần đến buổi chiều, Sơn và chị *chưa* đòi được áo.

(Thạch Lam)

- Nó ***không*** thấy quan nói gì, nên cũng hơi tỉnh tâm.

(Nguyễn Công Hoan)

- Tôi *có* nói như thế *đâu*.

b) Những từ, tổ hợp từ thường dùng tạo câu phủ định

Những từ và tổ hợp từ có ý nghĩa phủ định sau đây thường được dùng để tạo ra câu phủ định :

- *không, chẳng, chưa*
- *có... đâu, đâu có, làm gì, nào đâu có...*

Ví dụ :

- Chị Chổi thở dài, *không* nói gì nữa.

(Nguyễn Đình Thi)

- *Chẳng* được miếng thịt, miếng xôi
Cũng được lời nói cho nguôi tấc lòng.

(*Ca dao*)

- Tôi *đâu* có biết việc đó.
- Anh *làm gì* biết tính nó.
- Chúng tôi *nào đâu có* ngờ như thế.

c) Câu phủ định toàn bộ và câu phủ định bộ phận

– Câu phủ định toàn bộ là câu phủ định có từ phủ định tác dụng lên vị ngữ, lên chủ ngữ hoặc tác dụng lên nòng cốt câu, và diễn đạt ý toàn bộ sự việc nêu trong câu không được thực hiện.

Ví dụ :

– Gần đến buổi chiều, Sơn và chị *chưa* đòi được áo. (Phủ định vị ngữ).

(Thạch Lam)

– *Không* ai đòi được áo. (Phủ định chủ ngữ).

– *Không phải* (là) Sơn đòi được áo (mà là mẹ của Hiên đem trả áo). (Phủ định nòng cốt câu).

Câu phủ định bộ phận là câu phủ định có từ phủ định tác động lên một bộ phận nào đó trong câu ngoài 3 trường hợp kể trên kia (thuộc về câu phủ định toàn bộ).

Ví dụ :

uongxua.vn

– Tôi đọc **chẳng** *hết* quyển sách này. (Phủ định bổ ngữ cách thức *hết*).

– Hôm ấy chúng tôi tìm họ **không** *được*. (Phủ định bổ ngữ kết quả *được*).

– Bạn ấy học bài **chưa** *thuộc*. (Phủ định bổ ngữ cách thức *thuộc*).

2. *Câu khẳng định*

Xét mặt ngữ pháp, câu khẳng định được hiểu là câu không chứa từ, tổ hợp từ mang ý nghĩa phủ định, và do đó câu khẳng định cần được hiểu trong thế đối lập với câu phủ định nói trên đây. (Ở đây chỉ xét câu tường thuật khẳng định).

Ví dụ (đối chiếu) :

Câu phủ định	*Câu khẳng định*
– Gần đến buổi chiều, Sơn và chị *không* đòi được áo.	– Gần đến buổi chiều, Sơn và chị đòi được áo.

– Hôm ấy chúng tôi tìm họ *không* được.	– Hôm ấy chúng tôi tìm được họ.

Về ngữ pháp, **câu phủ định** *là câu chứa những từ, tổ hợp từ mang ý nghĩa phủ định và trước hết được dùng để miêu tả sự vắng mặt của vật hoặc việc nào đó trong câu. Những từ, tổ hợp từ phủ định thường dùng là : không, chẳng, chưa ; có... đâu, đâu có, làm gì, nào đâu có...*

Xét phạm vi tác dụng của từ phủ định, câu phủ định được chia thành hai loại : câu phủ định toàn bộ, câu phủ định bộ phận.

Về ngữ pháp, **câu khẳng định** *là câu không chứa từ, tổ hợp từ phủ định. Do đó câu khẳng định được hiểu đối lập với câu phủ định miêu tả.*

III – Bài tập

1. Trong phần trích ở mục *Tìm hiểu bài* có câu :

Thực ra, **vì** nể chàng là một vương hầu, **nên** họ đã để cho chàng đứng đây từ sáng.

a) Thay quan hệ từ *vì, nên* bằng quan hệ từ nào để có thể đưa phủ định từ vào câu này mà vẫn giữ được ý của câu trong văn bản đó ?

b) Xét xem sắc thái tình cảm của 2 câu đó có khác nhau không ?

2. Diễn đạt những ý sau đây bằng cách khác sao cho tránh được kiểu câu phủ định (đặt trong ngữ cảnh phần trích ở mục *Tìm hiểu bài*) :

a) Không buông ra, ta chém !

b) [...] không kẻ nào được giữ ta lại !

c) [...] không ai dám tới gần.

3. Thay các từ phủ định *không, chẳng, chưa* trong các câu sau đây bằng các tổ hợp từ phủ định *có... đâu, đâu có, làm gì, nào đâu có, đâu đã :*

– Hôm qua tôi tìm bạn Giáp **không** được.

– Tôi **không** biết bạn Giáp đi đâu.

– Bạn Giáp học bài **chưa** thuộc, bạn ấy **chẳng** đi xa được.

4. Đặt câu phủ định với các từ phủ định *không, chẳng, chưa* trên cơ sở đó thay các từ phủ định bằng các tổ hợp từ phủ định *có... đâu, đâu có, làm gì, nào dâu có.*

5. Đặt 2 câu phủ định toàn bộ.

6. Đặt 2 câu phủ định bộ phận.

7. Biến những câu phủ định có được *ở bài tập 5, 6* thành câu khẳng định mà vẫn giữ nguyên ý của các câu đó.

Tiết 8

LUYỆN TẬP

I – Nội dung

1. Về mặt ngữ pháp, câu phủ định được hiểu như thế nào ?

2. Về mặt ngữ pháp, câu khẳng định được hiểu như thế nào ?

3. Bằng cách nào có thể biến câu phủ định thành câu khẳng định, hoặc ngược lại, mà vẫn giữ nguyên được ý chính của câu ?

II – Bài tập

1. Tìm những câu phủ định trong phần trích sau đây :

Vì đường xa, chúng tôi chỉ ở nhà được có ba ngày. Trong ba ngày ngắn ngủi đó con bé không kịp nhận ra anh là cha... Suốt ngày anh chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con. Nhưng

càng vỗ về, con bé càng đẩy ra. Anh mong được nghe một tiếng "ba" của con bé, nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi. Nghe mẹ nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó bảo lại :

– Thì má cứ kêu đi.

Mẹ nó đâm nổi giận, quơ đũa bếp dọa đánh, nó phải gọi nhưng lại nói trổng :

– Vô ăn cơm !

Anh Sáu vẫn ngồi im giả vờ không nghe, chờ nó gọi "ba vô ăn cơm". Con bé cứ đứng trong bếp nói vọng ra :

– Cơm chín rồi ! – Anh cũng không quay lại. Con bé bực quá, quay lại mẹ và bảo :

– Con kêu rồi mà người ta không nghe.

Anh quay lại nhìn con, vừa khe khẽ lắc đầu và cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi [...]

thuongmaitr

(Nguyễn Quang Sáng)

2. Những từ, tổ hợp từ phủ định trong các câu phủ định ở phần trích trên tác dụng lên những từ nào (phủ định những hành động, trạng thái nào) ?

3. Chuyển câu, đoạn câu phủ định sau đây thành câu, đoạn câu khẳng định mà vẫn giữ được ý chính (thích hợp với ngữ cảnh sử dụng ở đây) :

a) Suốt ngày anh chẳng đi đâu xa lúc nào cũng vỗ về con.

b) Anh mong được nghe một tiếng "ba" của con bé, nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi.

c) Anh cũng không quay lại.

4. Đặt 2 câu phủ định và tìm những câu khẳng định thay thế chúng mà vẫn giữ được ý chính.

Tiết 9

HÀNH ĐỘNG PHỦ ĐỊNH

I - Tìm hiểu bài

1. Hãy biến câu khẳng định sau đây thành câu phủ định (đối với động từ trong câu) : Giáp đi câu cá suốt ngày chủ nhật.

2. Gạch dưới những câu có ý phủ định trong mấy đoạn đối thoại sau đây :

a) A – Giáp đi câu cá suốt ngày chủ nhật.

B – Giáp mà đi câu cá !

b) C – Nè, cậu có giải được bài tập đó không ?

D – Tớ chịu.

3. Từ các ví dụ ở *điểm 2*, cho biết muốn thực hiện ý phủ định có nhất thiết phải dùng câu phủ định không ?

uongxua.vn

II – Bài học

1. Hành động phủ định

Hành động phủ định là việc dùng lời nói nhằm mục đích miêu tả sự vắng mặt của vật, hiện tượng, sự việc... (phủ định miêu tả), hoặc nhằm mục đích phản bác ý kiến nào đó (phủ định phản bác).

Ví dụ :

– Bài toán này khó. *Tôi* **không** *hiểu được*. (Miêu tả sự vắng mặt việc "hiểu").

– Bài toán này khó. **Chẳng** *ai hiểu được*. (Miêu tả sự vắng mặt chủ thể của việc "hiểu").

– A : Anh đọc xong quyển sách này rồi chứ ?

B : (Tôi đọc) **chưa** *xong*. (Miêu tả sự không hoàn tất của việc "đọc").

– C : Anh biết rõ việc họ làm. Anh nên nói đi.

D : *Không, tôi không hề hay biết gì cả.* (Phản bác)

2. Hành động phủ định và câu phủ định

Câu phủ định là hiện tượng ngữ pháp, là câu có chứa từ hoặc tổ hợp từ mang ý nghĩa phủ định. Còn hành động phủ định là hành động có mục đích của người nói. Đây là hai hiện tượng không hoàn toàn trùng khớp nhau. Cụ thể là :

a) Có thể dùng câu phủ định để thực hiện hành động phủ định

Ví dụ (đối chiếu) :

– Giáp đi câu cá suốt ngày chủ nhật.

– Suốt ngày chủ nhật Giáp **không (hề)** đi câu cá.

b) Có thể dùng kiểu câu khác câu phủ định để thực hiện hành động phủ định, như dùng câu tường thuật khẳng định, dùng câu nghi vấn...

thuongmaitr

Ví dụ :

– A : Giáp đi câu cá suốt ngày chủ nhật.

B : *Giáp mà đi câu cá !*

– A : Nè, cậu biết việc đó sao không nói với tôi ?

B : *Tôi biết à ?* (Hoặc : *Ai bảo tôi biết ?*)

> **Hành động phủ định** *là việc dùng lời nói nhằm mục đích miêu tả sự vắng mặt của vật, hiện tượng, sự việc... (phủ định miêu tả), hoặc nhằm mục đích phản bác ý kiến nào đó (phủ định phản bác).*
>
> *Câu phủ định (xét ở mặt ngữ pháp) và hành động phủ định là hai hiện tượng không hoàn toàn trùng khớp nhau : có thể dùng câu phủ định để thực hiện hành động phủ định, mà cũng có thể dùng câu tường thuật khẳng định, câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán để thực hiện hành động phủ định.*

III - Bài tập

1. Tìm và gạch dưới câu, đoạn câu chứa từ phủ định diễn đạt hành động phủ định trong phần trích từ truyện *Con voi ở công viên Thủ lệ* sau đây :

Tôi sững sờ mất lạc hẳn đi... Hai hàng nước mắt cứ thế trào ra, không sao ngăn nổi. Người nuôi thú an ủi :

– Tôi cố chăm sóc nó nhưng không nổi. Nó không chịu uống thuốc. Mà anh thừa biết rằng, khi con voi không chịu uống thuốc thì nó biết rằng nó không sống nổi rồi !

– Các anh chôn A Khâm (tên con voi) ở đâu ?

Người nuôi thú không nói được ! Nhưng thôi gạn hỏi kĩ làm gì nữa [...]

(Ngô Văn Phú)

2. Trong phần trích trên, có câu nào không chứa từ phủ định mà vẫn được dùng để thực hiện hành động phủ định không ?

uongxua.vn

3. Trong những lời trao đáp sau đây, lời nào được dùng để thực hiện hành động phủ định :

A – Cho mình mượn quyển vở ghi chép một chút.

B – Đây, nhưng mình ghi thế này có đọc được không ?

C – Đâu ? Có trời mà đọc được !

4. Phân biệt phủ định miêu tả và phủ định phản bác qua đoạn đối thoại sau đây :

A – Rủ nó mai đến thăm Lan đi.

B – Rủ rồi mà nó không chịu đi, nó giận Lan đấy.

A – Thử một lần nữa xem sao, tôi tin là bạn thuyết phục được nó đấy.

B – Tôi không tin.

Tiết 10

LUYỆN TẬP

I – Nội dung

1. Hành động phủ định là gì ?

2. Hành động phủ định và câu phủ định có phải chỉ là một không ?

3. Có phải cứ nhất thiết phải dùng câu phủ định để thực hiện hành động phủ định không ?

II – Bài tập

1. Trong những câu in nghiêng ở đoạn trích sau đây, câu nào được dùng để phản bác một ý đã có, câu nào để miêu tả sự vắng mặt của sự việc :

thuongmaitr

... Nghe mẹ nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó bảo lại :

– *Thì má cứ kêu đi.*

Mẹ nó đâm nổi giận, quơ đũa bếp dọa đánh, nó phải gọi nhưng lại nói trổng :

– Vô ăn cơm !

Anh Sáu vẫn ngồi im giả vờ không nghe, chờ nó gọi "ba vô ăn cơm". Con bé cứ đứng trong bếp nói vọng ra :

– Cơm chín rồi ! – Anh cũng không quay lại. Con bé bực quá, quay lại mẹ và bảo :

– *Con kêu rồi mà người ta không nghe.*

Anh quay lại nhìn con, vừa khe khẽ lắc đầu và cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nổi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi.

(Nguyễn Quang Sáng)

2. Tìm trong phần trích trên những câu phủ định dùng miêu tả sự vắng mặt của hiện tượng, sự việc.

3. Xét mối quan hệ giữa lời đáp (câu nói sau) với lời trao (câu nói trước) trong các ví dụ sau đây, gạch dưới câu nào được dùng để thực hiện sự phủ định phản bác.

Ví dụ 1 :

A – Giáp chơi bóng khá đấy chứ !

B – Khá gì mà khá. Hôm vừa rồi bóng đến chân mấy lần mà không sút được quả nào.

Ví dụ 2 :

A – Sắp tới có khi mình không tham gia tập văn nghệ được.

B – Ấy ấy, cậu không tham gia sao được. Đội mình có mấy người đâu, cố gắng tham gia đi

4. Lời đáp của B ở *ví dụ 1* gồm có 2 câu ; câu nào trong đó được dùng để thực hiện hành động phủ định phản bác, câu nào được dùng vào việc phủ định miêu tả ?

truongxua.vn

5. Đặt mấy lời đối thoại trong đó có lời chứa câu thực hiện hành động phủ định phản bác.

Tiết 11

CÂU BỊ ĐỘNG

I – Tìm hiểu bài

1. Đối chiếu những câu trong từng nhóm sau đây với nhau :

a) – Sáng chủ nhật tôi giặt hết quần áo bẩn.

– Quần áo bẩn giặt hết rồi.

– Quần áo bẩn được giặt hết rồi.

b) – Nó bỏ sách vào cặp sách.

– Sách bỏ vào ngăn này.

– Sách được bỏ vào ngăn này.

c) – Con mèo vồ được con chuột.

– Con chuột bị con mèo vồ rồi.

d) – Hôm qua bạn ấy ngã đau lắm.

– Hôm qua bạn ấy bị ngã đau lắm.

2. Trong những nhóm câu trên đây, câu nào có vật là đối thể của hành động được đưa vào vị trí chủ ngữ của câu ?

II – Bài học

1. Câu bị động

Câu bị động là câu có chủ ngữ chỉ đối thể của hành động nêu ở vị ngữ. Những câu loại này có thể sẵn chứa từ *bị* hay *được*, hoặc nếu những từ này không có sẵn thì cũng dễ dàng thêm chúng vào. Trong cả 2 trường hợp chúng ta đều có câu bị động.

Ví dụ :

Quần áo bẩn giặt hết rồi.

Quần áo bẩn *được* giặt hết rồi.

2. Các kiểu câu bị động thường gặp

Xét kiểu cấu tạo, các kiểu câu bị động thường gặp là :

a) Câu bị động có chủ ngữ chỉ đối thể, vị ngữ do động từ ngoại động tác dụng lên đối thể : [C – đối thể | V ngoại động]

Ví dụ :

Bài này | *học rồi*

C | V

b) Câu bị động có chủ ngữ chỉ đối thể, vị ngữ gồm có từ *bị / được* và động từ ngoại động tác dụng lên đối thể :

[C – đối thể | *bị / được* + V ngoại động]

thuongmaitr

Ví dụ :

Bài này | **được** + *học rồi.*

C | V

c) Câu bị động có chủ ngữ chỉ đối thể, vị ngữ gồm có từ *bị/được* và kết cấu chủ–vị, trong đó vị ngữ của kết cấu chủ–vị do động từ ngoại động tác dụng lên đối thể đảm nhiệm :

[C – đối thể | *bị/được* + [C | V ngoại động]

Ví dụ :

Giáp | **được** *thầy khen*

[C V]

C | V

Chú ý : Những câu như thế này, nếu không có từ *bị/được* thì danh từ – đối thể là đề ngữ của câu, kết cấu chủ–vị sẽ là nòng cốt câu.

truongxua.vn

Ví dụ :

Sách này / tôi | đọc rồi.

Giáp / thầy | khen (còn tôi, thầy không khen).

Đề ngữ / C | V

Câu bị động *là câu có chủ ngữ chỉ đối thể của hành động ngoại động nêu ở vị ngữ, hành động này tác dụng lên đối thể.*

Ba kiểu câu bị động thường gặp là :

a) Chủ ngữ – đối thể / Vị ngữ là động từ ngoại động tác dụng lên đối thể.

b) Chủ ngữ – đối thể / Vị ngữ gồm : bị/được + động từ ngoại động tác dụng lên đối thể.

c) Chủ ngữ – đối thể / Vị ngữ gồm : bị/được + kết cấu chủ – vị (vị ngữ của kết cấu chủ – vị là động từ ngoại động tác dụng lên đối thể).

III - Bài tập

1. Phân tích cấu tạo của các câu bị động sau đây :

a) Ý kiến thứ nhất bị phản đối.

(Nguyễn Quang Sáng)

b) Ý kiến thứ nhất bị người ta phản đối.

c) Con gà trống của chúng tôi bị nhốt dưới hầm B52. [...]

(Nguyễn Quang Sáng)

d) Con gà trống của chúng tôi bị chúng tôi nhốt dưới hầm B52.

2. Trong *Con gà tróng* của Nguyễn Quang Sáng có câu : *Con gà trống của chúng tôi bị nhốt dưới hầm B52.* Câu này đồng nghĩa với *câu d* nêu *ở bài tập 1*. Vì những người nhốt gà chính là "chúng tôi", tại sao tác giả không viết :

Con gà trống (này) bị chúng tôi nhốt dưới hầm B52.

Hoặc :

Chúng tôi nhốt con gà trống của chúng tôi dưới hầm B52.

3. Chuyển các câu chủ động sau đây thành câu bị động thuộc những kiểu có thể chuyển :

a) Giáp sút mạnh quả bóng vào khung thành đối phương.

b) Chúng tôi chấp hành nghiêm chỉnh luật lệ giao thông.

c) Người ta thả diều ngoài đồng rộng.

d) Các bác thợ đúc những vỏ máy to tướng.

4. Đặt 3 câu bị động thuộc 3 kiểu khác nhau.

5. Biến những câu bị động có được *ở bài tập 4* thành câu chủ động. Giải thích sắc thái ý nghĩa kèm theo khi dùng các câu bị động và chủ động.

thuongmaitr

Tiết 12

LUYỆN TẬP

I - Nội dung

1. Câu có cấu tạo như thế nào thì được gọi là câu bị động ?

2. Những kiểu câu bị động thường gặp là những kiểu như thế nào ?

3. Câu *Hôm qua tôi* **bị** *trượt chân ngã* và câu *Tôi* **được** *biết bố Giáp ốm* có phải là câu bị động không ?

4. Dùng câu bị động có sắc thái ý nghĩa gì kèm theo, so sánh với việc dùng câu chủ động ?

II - Bài tập

1. So sánh 2 câu sau đây và nói rõ sắc thái ý nghĩa kèm theo có thể có ở mỗi câu (dùng mỗi câu với thái độ như thế nào ?) :

a) Thằng Dần đánh con Hoa.

b) Con Hoa bị thằng Dần đánh.

2. So sánh 3 cụm câu sau đây và giải thích cách dùng của những câu in nghiêng theo câu hỏi gợi ý cho bên dưới :

a) Bọn trẻ nhìn thấy con rắn. Con rắn lao về phía bọn trẻ. *Một đứa bị con rắn cắn. Mấy đứa kia đã đánh chết con rắn.*

b) Em bé giẫm phải con rắn. *Con rắn cắn vào bắp chân em bé. Em bé đã được đưa đi cấp cứu.*

c) Em bé giẫm phải con rắn. Con rắn cắn vào bắp chân em bé. *Người ta đã đưa em bé đi cấp cứu.*

– Tại sao ở *a* không viết "Con rắn cắn một đứa trẻ" ?

– Tại sao ở *a* có thể viết "Mấy đứa kia đã đánh chết con rắn" ?

– Tại sao ở *b* có thể viết "Con rắn cắn vào bắp chân em bé" ? (Đối chiếu với câu "Một đứa bị con rắn cắn" ở *a*).

– Câu "Em bé đã được đưa đi cấp cứu" ở *b* và câu "Người ta đã đưa em bé đi cấp cứu" ở *c* về cơ bản là đồng nghĩa ? Theo em nên viết như ở *b* hơn, hay là nên viết như ở *c* (xét ngữ cảnh) ?

3. Viết 2 đoạn văn nhỏ, mỗi đoạn dùng một câu sau đây cho thích hợp (có thể thêm những phụ từ như *sẽ, đã, rồi* hoặc định ngữ cho danh từ) :

a) Con chó cắn con mèo.

b) Con mèo bị con chó cắn.

4. Viết một đoạn văn nhỏ trong đó có dùng kiểu câu bị động có kết cấu chủ–vị đứng sau *bị/được* và nói rõ ý định dùng kiểu câu đó.

thuongmaitr

Tiết 13

LỜI DẪN TRỰC TIẾP, LỜI DẪN GIÁN TIẾP

I – Tìm hiểu bài

1. Đọc những phần trích sau đây, chú ý những chỗ in nghiêng :

a) Nó đưa cho tôi ba đồng mà bảo : "*Con biếu thầy ba đồng để thỉnh thoảng thầy ăn quà ; xưa nay con ở nhà mãi cũng chẳng nuôi được bữa nào, thì con đi cũng chẳng phải lo ; thầy bòn vườn đất với làm thuê làm mướn thêm cho người ta thế nào cũng đủ ăn ; con đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm con mới về ; không có tiền, sống khổ sống sở ở cái làng này, nhục lắm !...*". Tôi chỉ còn biết khóc, chứ còn biết

làm sao được nữa ? Thẻ của nó người ta giữ. Hình của nó, người ta chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu có còn là con tôi ?...

(Nam Cao)

b) Cuộc gặp gỡ chấm dứt ở đấy, hay ít ra là không ai biết được gì hơn nữa. Chỉ có anh lính dõng An Nam bồng súng chào ở cửa ngục là cứ bảo rằng, *nhìn qua chấn song, có thấy một sự thay đổi nhẹ trên nét mặt người tù lừng tiếng*. Anh quả quyết – cái anh chàng ranh mãnh đó – rằng *có thấy đôi ngọn râu mép người tù nhếch lên một chút rồi lại hạ xuống ngay, và cái đó chỉ diễn ra có một lần thôi.*

Nếu quả thế thật, thì có thể là lúc ấy (Phan) Bội Châu có mỉm cười, mỉm cười một cách kín đáo, vô hình và im lặng, như cánh ruồi lướt qua vậy.

(Nguyễn Ái Quốc – Phạm Huy Thông *dịch* từ tiếng Pháp)

uongxua.vn

2. Ở *a*, những chỗ in nghiêng là lời nói của ai, chúng có được nhắc lại một cách chính xác từng câu từng chữ hay không ?

Ở *b*, những chỗ in nghiêng là lời nói của ai, liệu có chắc chắn là chúng được nhắc lại đúng từng câu từng chữ không ?

II – Bài học

Khi nói, nhất là khi viết, người ta có thể nhắc lại lời, hoặc ý của người khác trong lời nói của mình. Đó là người ta **dẫn** lời hoặc ý của người khác. Lời, ý của người khác được dùng theo kiểu như vậy được gọi là **lời dẫn**. Có hai cách dẫn lời, ý – đó là dẫn trực tiếp và dẫn gián tiếp ; cũng theo đó, ta có **lời dẫn trực tiếp** và **lời dẫn gián tiếp**.

1. Lời dẫn trực tiếp

Lời dẫn trực tiếp là lời của người khác được nhắc lại nguyên vẹn trong lời người dẫn, không thay đổi từ nào, câu nào, không

thêm không bớt tí nào (kể cả dấu câu, nếu là chữ viết) ở phần được dẫn.

Ví dụ :

– Tại Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ IV, đồng chí Phạm Văn Đồng khuyên các văn nghệ sĩ : "*...Người làm văn học nghệ thuật phải sống cuộc sống chiến đấu, sống sự nghiệp cách mệnh của dân tộc, nghĩa là sống cái hiện thực vĩ đại nhất của nhân dân ta*".

Khi viết, lời dẫn trực tiếp thường được đặt trong dấu ngoặc kép. (x. các ví dụ trên). Khi ghi lại lời đối thoại trực tiếp của người tham gia đối thoại, lời dẫn được đánh dấu ngang cách ở trước và được viết lùi đầu dòng.

Ví dụ :

Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão bảo ngay :

– Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ !

– Cụ bán rồi ?

– Bán rồi ! Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc.

(Nam Cao)

Chú ý : Lời dẫn trực tiếp thường được đặt sau lời của người dẫn, tuy nhiên cũng có khi lời dẫn trực tiếp được đặt trước lời người dẫn. Trong trường hợp này, sau *lời dẫn trực tiếp*, phải dùng dấu phẩy hoặc dấu ngang.

Ví dụ : "Nói ít mà ý nghĩa nhiều, hơn là nói nhiều mà ý nghĩa ít", Hồ Chủ tịch đã dạy chúng ta như vậy.

Cũng có khi lời người dẫn được đặt xen vào giữa *lời dẫn trực tiếp*, trước và sau lời người dẫn phải có dấu ngang cách.

thuongmaitr

Ví dụ : "Từ ngày đầu gặp Bác ở Côn Minh, tôi đã có một cảm tưởng mà tôi không phân tích được, – *Đồng chí Võ Nguyên Giáp tâm sự* – đó là cảm tưởng đứng trước một tâm hồn bình dị, trong sáng, kiên quyết, vững chắc. Trước kia và bây giờ, Bác cũng vẫn như thế".

(Võ Nguyên Giáp)

2. Lời dẫn gián tiếp

Lời dẫn gián tiếp là lời nhắc lại ý của người khác trong lời người dẫn ; lời dẫn gián tiếp không bắt buộc phải đúng từng câu từng chữ của người được dẫn, chỉ cần diễn đạt đúng các ý mà người dẫn muốn nhắc lại.

Ví dụ : Trong dịp nói chuyện với các thầy giáo, cô giáo dạy văn ở Hà Nội, tháng 3 năm 1963, nhà thơ Tố Hữu cho **rằng** *nghề dạy văn thật đáng yêu, dạy văn, học văn thật là một niềm vui sướng lớn.*

uongxua.vn

Lời dẫn gián tiếp không phải đặt trong ngoặc kép ; trước lời dẫn gián tiếp có thể dùng từ *rằng* hoặc *là* (x. ví dụ vừa nêu).

Chú ý : Nếu trong lời được dẫn, người nói tự xưng là *tôi, chúng tôi* (ngôi nhân xưng thứ nhất) thì trong lời dẫn gián tiếp thường phải chuyển thành *anh ấy, chị ấy, ông ấy v.v..., những người ấy, họ v.v...* (chuyển thành ngôi nhân xưng thứ ba).

Ví dụ (đối chiếu) :

– Anh ấy nói : "*Mai* **tôi** *về quê*". (Lời dẫn trực tiếp).

– Anh ấy nói rằng *mai* **anh ấy** *về quê.* (Lời dẫn gián tiếp).

> **Lời dẫn trực tiếp** *là lời của người khác được nhắc lại nguyên vẹn trong lời người dẫn, không thay đổi, không thêm bớt ở phần được dẫn.*

Lời dẫn trực tiếp thường được đặt trong dấu ngoặc kép. Lời dẫn trực tiếp trong đối thoại được ghi sau dấu ngang cách và viết lùi đầu dòng.

Lời dẫn gián tiếp *là lời nhắc lại ý của người khác trong lời người dẫn, không bắt buộc phải đúng từng câu từng chữ, chỉ cần diễn đạt đúng cái ý mà người dẫn muốn nhắc lại.*

Lời dẫn gián tiếp không phải đặt trong ngoặc kép, và trước nó có thể dùng **rằng** *hoặc* **là**. *Cần chuyển ngôi nhân xưng thứ nhất trong lời dẫn trực tiếp sang ngôi nhân xưng thứ ba trong lời dẫn gián tiếp.*

III – Bài tập

1. Chọn một vài câu hoặc một đoạn câu trong phần trích sau đây làm lời dẫn trực tiếp trong bài nhỏ hoặc đoạn văn nhỏ mà em tự viết :

Học quốc văn, nói rộng ra là học văn học Việt Nam viết bằng tiếng Việt trong sáng, giàu đẹp. Yêu quốc văn, yêu văn Việt, thì tâm hồn ta sẽ dạt dào thêm sức sống, sức cảm xúc, mến yêu và suy nghĩ, do đó mà thêm sức chiến đấu. Văn học là tâm hồn của một dân tộc : những người lao động sản xuất và chiến đấu chống giặc, bảo vệ Tổ quốc đã sáng tạo ra nguồn gốc lớn lao của văn học ; bao nhiêu mồ hôi và xương máu của nhân dân được phản ánh vào trong văn học, văn học là trường kinh nghiệm và là suy nghĩ ; những người công tác khoa học kĩ thuật cũng cảm thấy không thể thiếu văn học, vì văn học đi sâu vào tâm hồn.

(Xuân Diệu)

2. Biến lời dẫn trực tiếp sau đây thành lời dẫn gián tiếp :

Nó [con trai lão Hạc] đưa cho tôi ba đồng mà bảo : "Con biếu thầy ba đồng để thỉnh thoảng thầy ăn quà ; xưa nay con ở nhà mãi cũng chẳng nuôi được bữa nào, thì con đi cũng chẳng phải lo ; thầy bòn vườn đất với làm thuê làm mướn thêm cho

người ta thế nào cũng đủ ăn ; con đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm con mới về ; không có tiền, sống khổ sống sở ở cái làng này, nhục lắm ! ..."

(Nam Cao)

3. Dùng câu cho sau đây làm lời dẫn gián tiếp trong một đoạn văn em nói hoặc viết :

"Một bài thơ có trải qua thử thách trong công chúng đông đảo mới biết chắc hay hay dở thế nào."

(Hoài Thanh)

4. Viết 2 đoạn văn ngắn, dùng câu sau đây làm lời dẫn trực tiếp, trong đó một đoạn lời dẫn trực tiếp đặt sau lời người dẫn, một đoạn lời dẫn trực tiếp đặt trước lời người dẫn :

"Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt chính là giữ gìn và phát huy lòng yêu nước của toàn dân ta".

(Nguyễn Lương Ngọc)

uongxua.vn

Tiết 14

DẤU CÂU : DẤU NGOẶC KÉP, DẤU HAI CHẤM, DẤU CHẤM LỬNG

I – Tìm hiểu bài

1. Đọc những phần trích sau đây, chú ý các dấu ngoặc kép, dấu hai chấm, dấu chấm lửng :

a) Nguyễn Du mở đầu *Truyện Kiều* đã viết : "Những điều trông thấy mà đau đớn lòng". Chính "những điều trông thấy" ấy đã làm cho Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* thành một bức tranh hết sức chân thực, phô bày bao cảnh sống ngang trái đau thương của xã hội thời ông.

(Nguyễn Đình Thi)

b) Toàn dân Việt Nam chỉ có một lòng : Quyết không làm nô lệ.

(Hồ Chí Minh)

c) Trọng nhìn mẹ. Bà lão thương con, nhưng lại sợ chồng đành chỉ hòa giải :

– Ô hay, có điều gì bố con trong nhà bảo nhau chứ sao lại...

(Đào Vũ)

2. Thử xem xét các dấu ngoặc kép, dấu hai chấm, dấu chấm lửng trong mấy ví dụ trên được dùng để đánh dấu cái gì ?

II – Bài học

1. *Dấu ngoặc kép*

Dấu ngoặc kép có những công dụng thường gặp sau đây :

a) Đánh dấu (ở hai đầu) lời dẫn trực tiếp (bao gồm từ một từ cho đến cả bài được trích) :

Ví dụ :

Trong *Lời kêu gọi tập thể dục*, Bác Hồ viết : "Luyện tập thể dục, bồi bổ sức khỏe là bổn phận của mỗi người dân yêu nước".

Chú thích : Nhan đề quyển sách, bài viết... gần đây ít được đặt trong dấu ngoặc kép, thường được in nghiêng hoặc gạch dưới nếu là viết tay.

b) Dùng đánh dấu (ở hai đầu) từ, tổ hợp từ được hiểu ít nhiều khác thường hoặc còn xa lạ với nhiều người đọc.

Ví dụ : – Chiếc tàu dẫn đầu đưa đàn con bị đầy ải về với "Mẹ" đã xa tít ngoài khơi.

(Trần Trung Kiên)

Chú ý : Từ "Mẹ" ở đây được hiểu là Tổ quốc.

thuongmaitr

– Tin "chiến thắng" (của bọn giặc) toàn thương vong mất tích, ối chu cha ! Rầu quá là rầu.

(Đồ Phồn)

Chú ý : Từ "chiến thắng" bị đánh giá một cách mỉa mai, vì toàn thương vong mất tích sao gọi là "chiến thắng" được.

– Những "luật rừng" như vậy người bình thường mấy ai biết được.

2. Dấu hai chấm

Dấu hai chấm có những công dụng thường gặp sau đây :

a) Dùng ở cuối câu để báo trước sự xuất hiện lời dẫn trực tiếp (kể cả lời dẫn trực tiếp là lượt thoại trong đối thoại).

Ví dụ :

Nguyễn Du mở đầu *Truyện Kiều* đã viết : "Những điều trông thấy mà đau đớn lòng".

uongxua.vn

(Nguyễn Đình Thi)

Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão bảo ngay :

– Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ.

b) Dùng đặt trước những từ, tổ hợp từ có tác dụng bổ sung, giải thích, minh họa cho ý đứng trước chúng.

Ví dụ :

Nơi Bác ở : bàn mây vách gió
Sáng nghe chim rừng gáy bên nhà.

(Tố Hữu)

c) Dùng đặt trước chuỗi liệt kê (một cách riêng của cách nêu ở điểm b) :

Ví dụ :

Nhà trường xã hội chủ nghĩa là nhà trường :

– Học đi đôi với lao động.

– Lí luận đi đôi với thực hành.

– Cần cù đi đôi với tiết kiệm.

(Hồ Chí Minh)

Hồ Chủ tịch thường sử dụng hai loại văn : văn chính luận và văn nghệ thuật.

(Trần Thanh Mại)

3. Dấu chấm lửng

Dấu chấm lửng có những công dụng thường gặp sau đây :

a) Thay thế phần ý không được diễn đạt thành lời, kể cả điều không tiện nói ra.

Ví dụ :

Đó đây, những mái ngói của nhà hội trường, nhà ăn, nhà máy nghiền cói làm bìa cứng... xòe nở nụ cười tươi đỏ.

(Bùi Hiển)

Trọng nhìn mẹ. Bà lão thương con, nhưng lại sợ chồng đành hòa giải :

– Ô hay, có điều gì bố con trong nhà bảo nhau chứ sao lại...

(Đào Vũ)

b) Dùng phản ánh những trạng thái của hiện thực khách quan như khoảng cách thời gian, không gian, âm thanh kéo dài, đứt quãng.

Ví dụ : Rú... rú... rú... máy bắt đầu mở, bắt đầu xúc than.

(Võ Huy Tâm)

Lão (lão Hạc) bảo nó (= con chó Vàng) thế này :

– Cậu có nhớ bố cậu (= con trai lão Hạc) không ? Hả cậu Vàng ? Bố cậu lâu lắm không có thư về. Bố cậu đi có lẽ được đến ba năm rồi đấy... Hơn ba năm ... Có đến bốn năm... Không biết cuối năm nay bố cậu có về không ? Nó mà về, nó cưới vợ, thì nó giết cậu. Liệu hồn cậu đấy !

Hai dấu chấm lửng ở đây chỉ những khoảng thời gian ông lão ngừng lại để tính đếm ; dấu chấm lửng sau cùng cho biết là tính đếm tiếp tục chút ít rồi không thể tính hơn được nữa nên ông lão thôi không tính đếm nữa, và nói đến chuyện khác ;

c) Dùng để phản ánh hoặc tạo ra các trạng thái tâm lí tinh tế như mỉa mai, hài hước, chờ đợi, bất ngờ v.v... ở người tiếp nhận lời.

Ví dụ :

Quan đi kinh lí trong vùng,
Đâu có... gà vịt thời lùng về xơi.

(Tú Mỡ)

Dấu ngoặc kép *thường được dùng đánh dấu : lời dẫn trực tiếp ; từ, tổ hợp từ được hiểu ít nhiều khác thường hoặc còn xa lạ với nhiều người đọc.*

truongxua.vn

Dấu hai chấm *thường được dùng báo hiệu trước sự xuất hiện : lời dẫn trực tiếp ; từ và tổ hợp từ có tác dụng bổ sung, giải thích, minh họa, chuỗi liệt kê.*

Dấu chấm lửng *thường được dùng : thay thế phần ý không được diễn đạt thành lời, không tiện nói ra ; phản ánh những trạng thái của hiện thực khách quan như khoảng cách thời gian, không gian, âm thanh kéo dài, đứt quãng v.v... ; phản ánh hoặc tạo ra các trạng thái tâm lí như mỉa mai, hài hước, chờ đợi, bất ngờ v.v...*

III – Bài tập

1. Đặt dấu hai chấm và dấu ngoặc kép vào chỗ cần thiết trong phần trích sau đây :

Lão Hạc ơi ! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt ! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn Đây là cái vườn

mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn ; cụ thà chết cứ không chịu bán đi một sào.

(Nam Cao)

2. Giải thích giá trị của các dấu chấm lửng trong phần trích sau đây :

Một hôm, tôi phàn nàn về việc ông ấy với Binh Tư. Binh Tư là một người láng giềng khác của tôi. Hắn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão Hạc bởi vì lão lương thiện quá. Hắn bĩu môi và bảo :

– Lão làm bộ đấy ! Thật ra thì lão chỉ tâm ngẩm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu. Lão vừa xin tôi một ít bả chó...

Tôi trố to đôi mắt, ngạc nhiên. Hắn thì thầm :

– Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xơi một bữa. Nếu trúng, lão với tôi uống rượu.

Hỡi ơi lão Hạc ! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế đấy !... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó !... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư ? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn.

(Nam Cao)

3. Viết một bài nhỏ, trong đó có dùng dấu hai chấm chỉ sự bổ sung, giải thích.

4. Viết một bài nhỏ, trong đó có dùng dấu ngoặc kép chỉ từ, tổ hợp từ cần hiểu khác thường hoặc chưa được quen dùng.

5. Viết một bài nhỏ, trong đó có dùng dấu chấm lửng và cho biết giá trị sử dụng của nó.

thuongmaitr

Tiết 15

LUYỆN TẬP

I - Nội dung

1. Lời dẫn trực tiếp là gì ? Lời dẫn gián tiếp là gì ?

2. Lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp khác nhau như thế nào ?

3. Dấu ngoặc kép thường được dùng như thế nào ?

4. Dấu hai chấm thường được dùng như thế nào ?

5. Dấu chấm lửng thường được dùng như thế nào ?

II - Bài tập

1. Cho phần trích sau đây trong *Thư gửi cho học sinh nhân ngày khai trường* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Em hãy viết một lời giới thiệu ngắn hoặc lời phát biểu cảm nghĩ của em, trong đó lấy một câu cho ở đây làm lời dẫn trực tiếp ; dùng các dấu câu thích hợp cho lời dẫn.

... "Các cháu phải làm thế nào để đền bù lại công lao to lớn của những người đã không tiếc thân và tiếc của để giành lại nền độc lập cho nước nhà. Các cháu hãy nghe lời Bác, lời của một người lúc nào cũng ân cần mong mỏi cho các cháu được giỏi giang. Trong năm học tới đây, các cháu hãy cố gắng siêng năng học tập, ngoan ngoãn, nghe thầy, đua bạn. Sau 80 năm nô lệ làm cho nước nhà yếu hèn, ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên để lại cho chúng ta, làm sao cho chúng ta theo kịp các nước khác trên toàn cầu. Trong công cuộc kiến thiết đó, nước nhà trông mong chờ đợi ở các cháu rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên vẻ vang hay không, dân tộc Việt Nam có được vẻ vang sánh vai các cường quốc

năm châu hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu".

(Hồ Chí Minh)

2. Viết một đoạn đối thoại dài từ 5 đến 7 câu. Trong đoạn đó dùng dấu hai chấm một cách thích hợp.

3. Viết một đoạn ngắn (khoảng 4 - 5 câu) có nội dung miêu tả hoặc kể chuyện. Trong đoạn đó dùng dấu chấm lửng một cách thích hợp.

4. Viết một đoạn ngắn, tự xác định nội dung, trong đoạn đó có dùng dấu hai chấm báo hiệu một sự liệt kê hoặc bổ sung, giải thích.

5. Viết một đoạn ngắn, trong đó có dùng dấu hai chấm để báo hiệu lời trích dẫn và dùng dấu ngoặc kép để đóng khung lời trích dẫn.

6. Viết một bài nhỏ, trong đó dùng dấu chấm lửng phản ánh trạng thái hiện thực khách quan.

thuongmaitr

7. Viết một bài nhỏ, trong đó dùng dấu chấm lửng phản ánh hoặc tạo ra trạng thái tâm lí.

Tiết 16

LUYỆN TẬP *(tiếp)*

1. Cho biết công dụng của dấu hai chấm và dấu ngoặc kép trong truyện sau đây :

CHÓ ĐÁ

Một lão nhà giàu keo kiệt mà lại ác. Một hôm, sang chơi chùa, thấy ngoài cổng có đôi chó đá, bèn hỏi :

– Sư ông có đôi chó để làm gì thế ?

– Có chúng nó giữ chùa cũng đỡ trộm cắp.

Lão kia mừng thầm nghĩ bụng : có chó giữ nhà lại chẳng phải nuôi, bèn gạ xin một con. Nhà sư nể tình :

– Vâng ngày mai, ông cho người sang đào đem về.

Đêm ấy nhà sư nằm mê thấy con chó đá đến quấn quýt bên người, rồi năn nỉ xin cho ở lại giữ chùa. Nhà sư bèn hỏi :

– Sao vậy ?

Nó đáp :

– Con sợ lắm ! Người ta đồn rằng ông ấy "đánh chó đá vãi cứt" thì còn gì là con nữa.

(Trương Chính – Phong Châu)

2. Cho biết công dụng của dấu chấm lửng trong truyện sau đây :

NHƯNG NÓ PHẢI BẰNG HAI MÀY !

Làng kia có một tên lí trưởng nổi tiếng xử kiện giỏi.

Một hôm nọ, Cải với Ngô đánh nhau, rồi mang nhau đi kiện. Cải sợ kém thế, lót trước cho thầy Lí năm đồng. Ngô biện chè lá những mười đồng. Khi xử kiện thầy Lí nói :

– Thằng Cải đánh thằng Ngô đau hơn, phạt một chục roi.

Cải vội xòe năm ngón tay, ngẩn mặt nhìn thầy Lí, khẽ bẩm :

– Xin xét lại, lẽ phải về con mà !

Thầy Lí cũng xòe năm ngón tay trái úp lên trên ngón tay mặt nói :

– Tao biết mày phải... nhưng nó lại phải... bằng hai mày !

(Trương Chính – Phong Châu)

3. Viết một chuyện nhỏ, sử dụng các dấu hai chấm, dấu ngoặc kép và cho biết công dụng của chúng trong bài viết. Ngoài ra hai dấu này còn có những công dụng nào nữa ?

4. Cho biết những dấu chấm lửng trong những đoạn thơ sau đây có ý nghĩa gì :

TRE VIỆT NAM

Đoạn đầu : Tre xanh
Xanh tự bao giờ ?
Chuyện ngày xưa ... đã có bờ tre xanh.
Thân gầy guộc, lá mong manh
Mà sao nên lũy nên thành tre ơi ?
Ở đâu tre cũng xanh tươi
Cho dù đất sỏi đất vôi bạc mầu ?

Đoạn giữa : (lược bỏ)

Đoạn cuối : Năm qua đi, tháng qua đi
Tre già măng mọc, có gì lạ đâu
Mai sau
Mai sau
Mai sau...
Đất xanh tre mãi xanh màu tre xanh.

(Nguyễn Duy)

5. Nếu phải thay dấu chấm lửng ở các đoạn thơ tại *bài tập 4* bằng lời thì có thể diễn đạt như thế nào ?

Tiết 17

ÔN TẬP HỌC KÌ I

I – Nội dung

1. Về từ loại :

– Hệ thống từ loại tiếng Việt.

– Hiện tượng chuyển loại từ.

2. Về ý và lời :

- Diễn đạt một ý bằng những lời khác nhau.
- Hiển ngôn và hàm ngôn.

3. Về khẳng định, phủ định :

- Phân biệt câu phủ định với câu khẳng định về ngữ pháp.
- Hành động phủ định có thể được diễn đạt bằng nhiều kiểu câu.

4. Về câu bị động :

- Câu bị động và những kiểu nhỏ câu bị động thường gặp.
- Dùng câu bị động một cách có chủ ý.

5. Về lời dẫn :

- Lời dẫn trực tiếp.
- Lời dẫn gián tiếp.

6. Về dấu câu : – Dấu ngoặc kép.
– Dấu hai chấm.
– Dấu chấm lửng.

uongxua.vn

II – Bài tập

1. Hãy lập bảng từ loại tiếng Việt theo mẫu cho bên dưới và xếp mỗi từ (có gạch dưới) trong phần trích sau đây vào từ loại của nó, xét tư cách của nó trong văn bản này :

Ông để râu, cho khác hẳn với tụi huyện trẻ nhãi. Nguyên là cái da mặt ông nhỏ, mà có lẽ vì ông béo quá, nên lỗ chân lông căng ra, căng thẳng quá đến nỗi râu không có chỗ nào lách ra ngoài được. Đến nỗi năm bốn mươi tuổi mà mặt ông cứ nhẵn thín như thường. Ông bực mình bèn ra lệnh cấm thợ cạo lia lưỡi dao lên môi ông một dạo, để ông nuôi râu.

(Nguyễn Công Hoan)

Bảng từ loại (dùng cho bài tập 1)

Danh từ	Động từ	Tính từ	Số từ	Đại từ	Phụ từ	Định từ	Quan hệ từ	Trợ từ	Thán từ

2. Trong phần trích trên vắng mặt từ loại nào ? Kể ra và cho ví dụ về từ loại vắng mặt đó.

3. Cho vài ví dụ về hiện tượng chuyển loại từ, đặt câu để minh họa hiện tượng đó.

4. Hãy diễn đạt ý sau đây bằng những lời khác nhau,có thể thêm bớt từ và ý với những mục đích nói cho bên dưới :

"bây giờ là mười hai giờ trưa"

a) Coi là còn sớm quá đối với việc thực hiện một hành động nào đó.

b) Coi là đã muộn quá đối với việc thực hiện một hành động nào đó.

c) Coi là vừa đúng lúc bắt đầu thực hiện một việc nào đó.

5. Hãy thực hiện một hành động phủ định bằng cách dùng những kiểu câu khác nhau (câu tường thuật phủ định, câu tường thuật khẳng định, nghi vấn).

6. Viết một hoặc 2 đoạn bài nhỏ trong đó diễn đạt một sự việc bằng câu bị động và bằng câu chủ động. Cho biết ý định dùng hai kiểu câu này ở đó.

thuongmaitr

7. Viết 2 đoạn bài nhỏ trong đó có sử dụng lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.

8. Viết vài ba đoạn bài nhỏ trong đó sử dụng dấu chấm lửng với những mục đích diễn đạt khác nhau.

Tiết 18

ĐỔI TRẬT TỰ CÚ PHÁP

I – Tìm hiểu bài

1. Hãy đọc kĩ các câu sau đây :

Xiên ngang mặt đất rêu từng đám
Đâm toạc chân mây đá mấy hòn.

(Hồ Xuân Hương)

2. Các câu trên có gì khác về cấu trúc (trật tự sắp đặt các thành phần câu, các thành tố của cụm từ) và về nội dung diễn đạt, so với các câu :

Từng đám rêu xiên ngang mặt đất
Mấy hòn đá đâm toạc chân mây.

II – Bài học

1. Khi nói hoặc viết, chẳng những phải biết đặt câu theo đúng các quy tắc ngữ pháp mà còn phải biết vận dụng các biện pháp tu từ về câu để nâng cao hiệu quả diễn đạt của câu văn. Một trong những biện pháp tu từ về câu là đổi trật tự cú pháp.

Đổi trật tự cú pháp là biện pháp thay đổi trật tự bình thường của các thành phần câu, các thành tố của cụm từ, nhằm nhấn mạnh ý diễn đạt và làm cho câu có thêm tính gợi cảm, gợi hình tượng.

Hai câu thơ Hồ Xuân Hương trích trong mục *Tìm hiểu bài* có sự đổi trật tự cú pháp ; và do vậy, có hiệu quả thông báo, diễn đạt cao hơn, khi so sánh với hai câu được đặt theo trật tự cú pháp bình thường.

2. Hiện tượng đổi trật tự cú pháp bao gồm các trường hợp chính sau đây.

a) Trong phạm vi câu

Đổi vị từ[1] lên trước danh từ – chủ thể :

Thông thường, trật tự của danh từ – chủ thể làm chủ ngữ và vị từ làm vị ngữ trong câu đơn là chủ ngữ đặt trước, vị ngữ đặt sau (C – V) ; ta không thể tùy tiện thay đổi trật tự ấy. Tuy vậy, trong hoàn cảnh nhất định, vẫn có thể đảo vị từ lên trước danh từ – chủ thể.

Thường gặp, là trường hợp câu cảm hay loại câu khác nhưng có biểu thị cảm xúc.

---

(1) Vị từ là động từ, tính từ, những từ này thường giữ vai trò vị ngữ trong câu.

Ví dụ :

<u>*Đau đớn thay*</u> phận đàn bà.

Vị từ Danh từ – chủ thể

(Nguyễn Du)

<u>*Thân yêu*</u> hai tiếng gọi "đồng bào".

Vị từ Danh từ – chủ thể

(Tố Hữu)

<u>*Giết ai*</u> thứ văn chương ấy ?

Vị từ Danh từ – chủ thể

(Đặng Thai Mai)

Trật tự này cũng có thể gặp trong câu có ý nghĩa tồn tại (khi đầu câu có thành phần phụ) ; trong trường hợp này, ý nghĩa tồn tại do vị từ biểu thị được nhấn mạnh và câu còn mang thêm sắc thái biểu cảm.

thuongmaitr

Ví dụ :

Dưới bóng tre của ngàn xưa, <u>*thấp thoáng*</u> mái chùa cổ kính

Vị từ Danh từ – chủ thể

(Thép Mới)

Trong vườn, <u>*lắc lư*</u> những chùm quả xoan vàng lịm không

Vị từ Danh từ – chủ thể

trông thấy cuống (...).

(Tô Hoài)

b) Trong phạm vi cụm từ

– *Trong cụm danh từ* : đổi thành tố chính lên trước thành tố phụ (chỉ lượng và chỉ đơn vị).

Thông thường, trật tự của thành tố chính với thành tố phụ chỉ lượng và chỉ đơn vị trong cụm danh từ là *thành tố phụ chỉ lượng – thành tố phụ chỉ đơn vị – thành tố chính*. Trong câu, có khi trật tự ấy có thể đổi thành *thành tố chính – thành*

tố phụ chỉ lượng – thành tố phụ chỉ đơn vị ; trong trường hợp này, nội dung do thành tố chính biểu thị được nhấn mạnh và câu có thêm sắc thái biểu cảm.

Ví dụ :

Tình thư *một bức* phong còn kín
Gió nơi đâu gượng mở xem.

(Nguyễn Trãi)

Thuyền về nước lại sầu trăm ngả
Củi *một cành* khô lạc mấy dòng.

(Huy Cận)

– *Trong cụm động từ* : Đổi thành tố phụ (chỉ đối tượng, chỉ cách thức, trạng thái...) lên trước thành tố chính.

Thông thường, các *thành tố phụ chỉ đối tượng, chỉ cách thức, trạng thái... đứng sau thành tố chính* của cụm động từ. Trong câu, có khi trật tự ấy của cụm động từ có thể thay đổi : *thành tố phụ chỉ đối tượng, chỉ cách thức, trạng thái... được đặt lên trước thành tố chính* ; trong trường hợp này, nội dung do thành tố phụ biểu thị được nhấn mạnh và câu có thêm sắc thái biểu cảm.

Ví dụ :

Vầng trăng ai **xẻ** làm đôi
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường.

(Nguyễn Du)

Cua *lổm ngổm* **bò** cả lên chân tường trận địa.

(Nguyễn Tuân)

> **Đổi trật tự cú pháp** *là biện pháp thay đổi trật tự thông thường của các thành phần trong câu, của các thành tố trong cụm từ nhằm nhấn mạnh ý và làm cho câu có thêm tính gợi cảm, gợi hình tượng. Người ta có thể đổi vị từ lên trước danh từ – chủ thể của câu, đổi thành tố chính lên trước thành tố phụ (chỉ lượng và chỉ đơn vị) của cụm danh từ, đổi thành tố phụ (chỉ đối tượng, cách thức, trạng thái...) lên trước thành tố chính của cụm động từ.*

III – Bài tập

1. Hãy chỉ ra những hiện tượng đổi trật tự cú pháp trong các câu sau đây :

Bạc phơ mái tóc người Cha
Ba mươi năm Đảng nở hoa tặng Người.

(Tố Hữu)

Đâu rồi những phố cũ, đâu rồi những dãy nhà hai bên đường này ?

(Nguyễn Đức Thuận)

Giữa đoàn quân nhạc, bỗng rộn lên bốn mươi cây sáo trúc.

(Thép Mới)

Lom khom dưới núi tiều vài chú
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.

(Bà huyện Thanh Quan)

thuongmait

Bóng hồng nhác thấy nẻo xa
Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai.

(Nguyễn Du)

Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy
Mất tổ bầy chim dáo dát bay.

(Nguyễn Đình Chiểu)

2. Đặt 2 câu có hiện tượng đổi vị từ lên trước danh từ – chủ thể.

3. Đặt 2 câu có hiện tượng đổi thành tố chính lên trước thành tố phụ (chỉ lượng và chỉ đơn vị) của cụm danh từ.

4. Đặt 2 câu có hiện tượng đổi thành tố phụ (chỉ đối tượng, chỉ cách thức, trạng thái...) lên trước thành tố chính của cụm động từ.

Tiết 19

ĐỐI NGỮ

I - Tìm hiểu bài

1. Hãy đọc kĩ các câu sau đây :

Người lên ngựa, kẻ chia bào
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san.
Dặm hồng bụi cuốn chinh an,
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.
Người về, chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi, muôn dặm một mình xa xôi.
Vầng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.

(Nguyễn Du)

uongxua.vn

2. Thử nhận xét về sự tương xứng giữa :

Người lên ngựa với *kẻ chia bào*
Người về với *kẻ đi*
Nửa in gối chiếc với *nửa soi dặm trường*

II - Bài học

1. Đối ngữ là biện pháp sắp đặt theo hình thức sóng đôi hai từ, hai cụm từ, hai câu có mặt ngữ âm, có cấu tạo ngữ pháp và có ý nghĩa xứng với nhau, vừa làm cho câu văn, đoạn văn có tính chất cân đối, nhịp nhàng, vừa làm cho nội dung diễn đạt được nổi bật lên.

2. Đối ngữ bao gồm các trường hợp chính sau đây :

a) Đối ngữ tương phản

Đó là hình thức sóng đôi của hai từ, hai cụm từ, hai câu có mặt ngữ âm, có cấu tạo ngữ pháp xứng với nhau, nhưng ý nghĩa thì trái nhau.

Ví dụ :

Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.

(*Tục ngữ*)

Chúng ta phải nhớ rằng : người đời ai cũng có *chỗ hay, chỗ dở*. Ta phải dùng *chỗ hay* của người và giúp người chữa *chỗ dở*.

(Hồ Chí Minh)

Một mình lặng ngắm bóng nga
Rộn *đường gần* với *nỗi xa*, bời bời.

(Nguyễn Du)

Rõ ràng ở đây, *nói thì dễ* còn *làm thì khó,* và đúng là chúng ta đứng trước một vấn đề phức tạp.

(Phạm Văn Đồng)

thuongmaitr

b) Đối ngữ tương hỗ

Đó là hình thức sóng đôi của hai từ, hai cụm từ, hai câu có mặt ngữ âm, có cấu tạo ngữ pháp xứng với nhau, còn ý nghĩa thì gần gũi nhau, nương tựa vào nhau, bổ sung cho nhau.

Ví dụ :

Người đẹp về lụa, lúa tốt về phân.

(*Tục ngữ*)

Phũ phàng chi bấy hóa công
Ngày xanh mòn mỏi, má hồng phôi pha.

(Nguyễn Du)

Mưa *như rây bột, như chăng lưới*. Phố xá lờ mờ, trắng ra.

(Nguyễn Công Hoan)

Tre ăn ở với người, *đời đời, kiếp kiếp*.

(Thép Mới)

Đối ngữ *là biện pháp sắp đặt theo hình thức sóng đôi hai từ, hai cụm từ, hai câu có mặt ngữ âm, có cấu tạo ngữ pháp và có ý nghĩa xứng với nhau. Có đối ngữ tương phản và đối ngữ tương hỗ ; và cả hai loại đối ngữ đó đều tạo ra cho câu văn, đoạn văn tính chất cân đối, nhịp nhàng, làm nổi bật được nội dung diễn đạt.*

III – Luyện tập

1. Hãy chỉ ra những hiện tượng đối ngữ trong các câu sau đây :

Mẹ già ở túp lều tranh
Sớm thăm tối viếng mới đành dạ con.

(Ca dao)

Sớm trông mặt đất thương xanh núi
Chiều vọng chân mây nhớ tím trời.

(Xuân Diệu)

uongxua.vn

Khi người ta đã ngoài 70 xuân, thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp. Điều đó cũng không có gì lạ.

(Hồ Chí Minh)

Không vào nhà thì thôi, động vào nhà là nhòm. Mụ nhòm xó này một tí, nhòm xó kia một tí, rồi lục. Mụ giơ lọ tương lên ngắm rồi đặt xuống, mụ mở khạp gạo ra xem lại đậy vào, mụ lục bồ moi chiếc áo ra ướm thử vào người, rồi ném trả. Hình như trong ý mụ, mụ nghĩ : chúng mày ở nhà tao, thì những thứ của chúng mày cũng như của tao. Đồ ăn thức đựng của mụ, mụ cất kĩ đi. Con dao, cái chậu, bó củi của người ta mụ dùng tự nhiên, hễ cất đi mụ lại lôi ra. Không tìm thấy thì mụ nói móc, nói máy như chính mụ bị người ta hà hiếp. Đến cả cái ăn, cái uống mụ cũng rây phần vào.

(Kim Lân)

2. Đặt ra hoặc tìm trong thơ văn 2 câu có hiện tượng đối ngữ tương phản.

3. Đặt ra hoặc tìm trong thơ văn 2 câu có hiện tượng đối ngữ tương hỗ.

Tiết 20

LIỆT KÊ

I – Tìm hiểu bài

1. Hãy đọc kĩ các câu văn, câu thơ sau đây :

Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính người lại làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông, đất nước ta.

(Lê Duẩn)

thuongmaitr

Hoan hô chiến sĩ Điện Biên
Chiến sĩ anh hùng
Đầu nung lửa sắt
Năm mươi sáu ngày đêm,
khoét núi, ngủ hầm,
mưa dầm, cơm vắt
Máu trộn bùn non
Gan không núng
Chí không mòn !

(Tố Hữu)

2. Thử nhận xét về cấu tạo ngữ pháp và về quan hệ ý nghĩa của các cụm từ :

– *dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta ;*

– *khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt.*

II – Bài học

1. Liệt kê là biện pháp sắp đặt nhiều từ hay cụm từ theo quan hệ đẳng lập, làm thành phần cùng chức (cùng làm chủ ngữ, vị ngữ của câu, thành tố chính, thành tố phụ của cụm từ) nhằm làm cho sự miêu tả thêm đậm nét, sự biểu hiện cảm xúc và suy nghĩ thêm sâu sắc, gây ấn tượng mạnh đối với người tiếp nhận.

2. Trong biện pháp liệt kê, đáng chú ý hơn cả là cách thức chủ động dùng nhiều từ hay cụm từ đồng nghĩa hay gần nghĩa để diễn tả đầy đủ hơn những khía cạnh khác nhau của một ý tưởng, một tình cảm.

Ví dụ :

Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại.

(Khẩu hiệu)

uongxua.vn

Tỉnh lại em ơi, qua rồi cơn ác mộng
Em đã sống lại rồi, em đã sống !
Điện giật, dùi đâm, dao cắt, lửa nung
Không giết được em, người con gái anh hùng !

(Tố Hữu)

Thằng bé con anh Chẩn *ho rũ rượi, ho như xé phổi, ho không còn khóc được.*

(Nam Cao)

Tre, nứa, trúc, mai, vầu mấy chục loại khác nhau nhưng cùng một mầm non, măng mọc thẳng.

(Thép Mới)

3. Khi liệt kê, trật tự sắp đặt trước sau của các từ, các cụm từ có thể do những yêu cầu có tính khách quan (về nội dung diễn đạt, về nhịp điệu của câu văn) quy định.

Ví dụ :

Má cạy mũi xuồng, treo trên bến tắm cho chị em nó chùm bánh ú, đưa dầm dứ dứ vào cái bụng của thằng Hiển đang cởi truồng chồng ngồng, rồi lại bơi đi gấp !

(Nguyễn Thi)

Tre *giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.*

(Thép Mới)

Gió theo lối gió, mây đường mây,
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay.

(Hàn Mặc Tử)

Trật tự sắp xếp đặt trước sau của các từ, cụm từ cũng có thể do tác giả chủ động lựa chọn.

thuongmaitr

Ví dụ : Vườn Bách thảo vẫn có đủ *cò, hạc, bồ nông, đường nga, đại bàng, voi, vượn, khỉ, chồn, cáo, nai, hươu, hổ, báo, gấu, sư tử.*

(Nguyễn Tuân)

Sau gần hai ngày, qua ngót bốn trăm cây số đường dài cách xa Hà Nội, đứng trong mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia, bỗng nhiên lại gặp hoa dơn, hoa thược dược, *vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong...* ngay lúc dưới kia là mùa hè, đột ngột và mừng rỡ, quên mất e lệ, cô chạy đến bên người con trai đang cắt hoa.

(Nguyễn Thành Long)

Liệt kê *là biện pháp sắp đặt nhiều từ hay cụm từ theo quan hệ đẳng lập (cùng giữ một chức vụ cú pháp) để diễn tả đầy đủ hơn những khía cạnh khác nhau của một ý tưởng, một tình cảm.*

III - Bài tập

1. Hãy chỉ ra hiện tượng liệt kê trong các câu sau đây :

Râu hùm, hàm én, mày ngài,
Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.
Đường đường một đấng anh hào,
Côn quyền hơn sức, lược thao gồm tài.

(Nguyễn Du)

Chao ôi ! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để ta tàn nhẫn ; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương ; không bao giờ ta thương.

(Nam Cao)

2. Tìm 3 câu thơ, văn có dùng biện pháp liệt kê.

3. Đặt một đoạn văn trong đó có dùng biện pháp liệt kê.

uongxua.vn

Tiết 21

CÂU HỎI TU TỪ

I - Tìm hiểu bài

1. Hãy đọc kĩ đoạn văn sau đây :

Người con trai đưa cho bác lái xe một gói nhỏ.

– *Cái gì thế này ?* – Bác lái xe hỏi.

– Củ tam thất cháu vừa đào thấy. Cháu gửi bác gái ngâm rượu uống. *Hôm nọ bác chẳng bảo bác gái vừa ốm dậy là gì ?*

Bác lái xe cũng rút từ túi cửa xe ra một gói giấy :

– Còn đây là sách tôi mua hộ anh.

(Nguyễn Thành Long)

2. Câu "*Cái gì thế này ?* " là một câu hỏi, và nó có câu trả lời là "*Củ tam thất cháu vừa đào thấy*". Câu "*Hôm nọ bác chẳng bảo bác gái vừa ốm dậy là gì ?*" cũng là một câu hỏi, nhưng không cần câu trả lời. Tại sao như vậy ?

II – Bài học

1. Cần phân biệt câu hỏi nói chung và câu hỏi tu từ.

Câu hỏi nói chung, thường phải có câu trả lời.

Câu hỏi tu từ là loại câu hỏi mà nội dung của nó đã bao hàm ý trả lời, chẳng những thế, nó còn biểu lộ một cách tế nhị cảm xúc của người phát ngôn.

2. Hàm ý trả lời trong câu hỏi tu từ có thể là :

a) Xác nhận một điều có tính khẳng định.

Ví dụ :

Văn thơ ta ngày xưa nói lên cái đẹp của đất nước cũng có những câu rất hay nhưng chưa nhiều. *Phải chăng vì người lao động thì quá tất bật với cuộc sống gay go, còn nhà nho thì lại vướng vì cái nhìn sách vở ?*

(Hoài Thanh)

Có phải một chút màu xanh trên mình Tổ quốc đã mất đi chăng, khi những xóm nhà trù phú của tôi bị tàn phá và bóng người thân không thấy nữa ?

(Nguyễn Thi)

b) Xác nhận một điều có tính phủ định.

Ví dụ :

Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn ngàn năm
Tổ Quốc bao giờ đẹp thế này chăng ?

(Chế Lan Viên)

Núi cao nhờ có đất bồi
Núi chê đất thấp núi ngồi ở đâu ?

Muôn dòng sông đổ biển sâu
Biển chê sông nhỏ biển đâu nước còn ?

(Tố Hữu)

Người đâu gặp gỡ làm chi
Trăm năm biết có duyên gì hay không ?

(Nguyễn Du)

c) Gợi lên một suy tưởng.

Ví dụ :

Các vị La Hán chùa Tây Phương
Tôi đến thăm về lòng vấn vương
Há chẳng phải đây là xứ Phật
Mà sao ai nấy mặt đau thương ?

(Huy Cận)

Đêm về bát ngát biển thêm xa
Có ai gõ cửa biển quê nhà ?
Lặng im một phút chờ nghe thử
Tưởng chỉ lòng ta nói với ta.

uongxua.vn

(Nguyễn Xuân Sanh)

3. Câu hỏi tu từ luôn luôn bộc lộ cảm xúc của người phát ngôn. Trong trường hợp cảm xúc được bộc lộ một cách mạnh mẽ thì câu hỏi tu từ lại mang tính chất một loại câu cảm.

Ví dụ :

Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường ?
Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân ?

Bộc lộ cảm xúc người phát ngôn

(Nguyễn Du)

Câu hỏi tu từ *là loại câu hỏi mà nội dung của nó đã bao hàm ý trả lời và biểu thị một cách tế nhị cảm xúc của người phát ngôn.*

III – Bài tập

1. Phân tích tác dụng của câu hỏi tu từ trong các đoạn văn, thơ sau đây :

Trong lúc thuế má ngặt ngòi, đồng bạc cho vay, lãi ngày năm xu, người ta đã phải bỏ ra mà mua đàn chó mới mở mắt, thế là người ta đã làm ơn cho mày. *Mày tưởng người ta không thể mua đâu được chó đấy chắc ? Hay là chó của nhà mày bằng vàng ?* Thôi, cho thêm hào nữa, thế là vừa con, vừa chó, cả thảy được hai đồng mốt. *Bằng lòng không ?*

(Ngô Tất Tố)

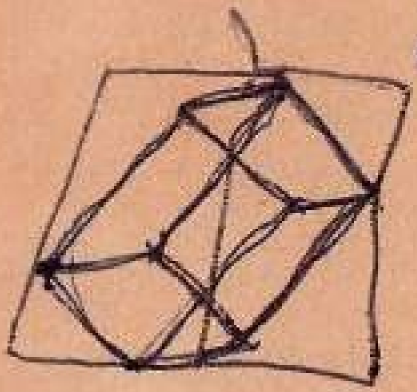

Em là ai ? Cô gái hay nàng tiên
Em có tuổi hay không có tuổi
Mái tóc em đây hay là mây là suối
Đôi mắt em nhìn hay chớp lửa đêm dông
Thịt da em hay là sắt là đồng ?

thuongmaitr

(Tố Hữu)

2. Hãy tìm 2 đoạn thơ, văn trong đó có dùng câu hỏi tu từ.

3. Hãy viết một đoạn văn ngắn trong đó có dùng câu hỏi tu từ.

Tiết 22

LUYỆN TẬP

1.

Đi đâu mà vội mà vàng
Mà vấp phải đá mà quàng phải dây ?
Thủng thẳng như chúng em đây
Chẳng đá nào vấp chẳng dây nào quàng.

(Ca dao)

a) Hãy tìm hiện tượng đối ngữ trong bài ca dao trên.

b) Hãy tìm câu hỏi tu từ trong bài ca dao trên.

c) Bài ca dao trên còn sử dụng những biện pháp tu từ khác. Hãy phân tích những biện pháp tu từ đó.

2.

So dần dây võ dây văn,
Bốn dây tơ nhỏ theo vần cung thương.
Khúc đầu Hán Sở chiến trường,
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau ?
Khúc đầu Tư mã Phượng cầu,
Nghe ra như oán như sầu phải chăng ?
Kê Khang này khúc Quảng Lăng,
Một rằng lưu thủy, hai rằng hành vân.
Quá quan này khúc Chiêu Quân,
Nửa phần luyến chúa, nửa phần tư gia.
Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời.
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.
Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,
Khiến người ngồi đó mà ngơ ngẩn sầu.
Khi tựa gối, khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày.

(Nguyễn Du)

uongxua.vn

a) Hãy tìm hiện tượng đối ngữ trong đoạn thơ trên.

b) Hãy tìm hiện tượng liệt kê trong đoạn thơ trên.

c) Hãy tìm câu hỏi tu từ trong đoạn thơ trên.

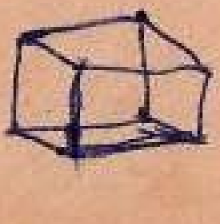

d) Đoạn thơ trên còn sử dụng những biện pháp tu từ khác. Hãy phân tích những biện pháp tu từ đó.

3. Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hóa lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp.

(Thép Mới)

a) Hãy tìm hiện tượng đổi trật tự cú pháp trong đoạn văn trên.

b) Hãy tìm hiện tượng đối ngữ trong đoạn văn trên.

c) Hãy tìm hiện tượng liệt kê trong đoạn văn trên.

d) Đoạn văn trên còn sử dụng những biện pháp tu từ khác. Hãy phân tích những biện pháp tu từ đó.

thuongmait

Tiết 23

LIÊN KẾT CÂU

I - Tìm hiểu bài

1. Đối chiếu 2 phần văn bản sau đây, cho biết phần văn bản nào ý giữa các câu gắn bó với nhau, phần văn bản nào là những câu chỉ những sự việc rời rạc đứng gộp lại với nhau :

a) Con mẹ Nuôi, tay cầm lá đơn, đứng ở sân công đường. Bà Tí hớt hơ hớt hải qua cổng chùa, rồi sợ sệt bỡ ngỡ, không biết con mèo đang ở đâu. Bỗng một người mặc áo cánh nái nhuộm vỏ già chạy xồng xộc đến trước mặt ông Hợp và hỏi :

– Gánh gì ?

b) Con mẹ Nuôi, tay cầm lá đơn, đứng ở sân công đường. Nó hớt hơ hớt hải qua cổng chòi, rồi sợ sệt bỡ ngỡ, không biết

quan ngồi ở buồng nào. Bỗng một người mặc áo cánh nái nhuộm vỏ già chạy xồng xộc đến trước mặt nó và hỏi :

– Đi đâu ?

(Nguyễn Công Hoan)

2. Hãy xét xem :

a) Mỗi câu trong từng phần văn bản trên có đủ nghĩa không ?

b) Tại sao đoạn *b* cho thấy được một sự việc chung lớn hơn nội dung của từng câu, còn mỗi sự việc trong từng câu ở đoạn *a* là một sự việc riêng lẻ không liên quan nhau trong phạm vi phần văn bản đã cho ?

II – Bài học

1. Liên kết câu

Mỗi câu trong văn bản[1] bao giờ cũng có quan hệ ý nghĩa với câu khác đứng gần nó hay đứng xa nó, hoặc có quan hệ với toàn văn bản. Mối quan hệ ý nghĩa giữa câu với câu được gọi là *liên kết câu với câu*, hay *liên kết liên câu*, gọi gọn là *liên kết câu*. (Bên trong một câu có nhiều vế, tình hình cũng như vậy). Nội dung các câu liên kết nhau thường phải hướng về sự việc chung cần nói đến.

Ví dụ 1 :

(1) Con mẹ Nuôi, tay cầm lá đơn, đứng ở sân công đường. (2) Nó hớt hơ hớt hải qua cổng chòi, rồi sợ sệt bỡ ngỡ, không biết quan ngồi ở buồng nào. (3) Bỗng một người mặc áo cánh nái nhuộm vỏ già chạy xồng xộc đến trước mặt nó và hỏi :

– Đi đâu ?

Câu (1) và câu (2) liên kết với nhau nhờ :

– con mẹ Nuôi (1) – nó (2)

– công đường (1) – cổng chòi (2) – quan (2)

---

(1) Văn bản : Ở đây tạm dùng từ *văn bản* hiểu rộng, bao gồm cả *bài viết* lẫn *lời nói miệng hoàn chỉnh.*

Câu (1), câu (2), câu (3) liên kết với nhau nhờ :

- con mẹ Nuôi (1) - nó (2) - nó (3)

- công đường (1) - cổng chòi (2) - quan (2) - người mặc áo cánh nái nhuộm vỏ già (3)

Các câu trên có nội dung cùng hướng về việc "con mẹ Nuôi đến cửa quan nộp đơn".

Ví dụ 2 :

Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên cười hỏi :

- Hồng ! Mày có muốn vào Thanh Hóa chơi với mợ mày không ?

(1) Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương ủ ấp từng phen làm tôi rơi nước mắt, tôi toan trả lời có. (2) Nhưng nhận ra những ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên mặt khi cười rất kịch của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp. (3) Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là góa chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha phương cầu thực. (4) Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến... (5) Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.

(Nguyên Hồng)

Trong ví dụ này, ngoài những từ, tổ hợp từ có đầy đủ ý nghĩa cho thấy sự liên kết câu như đã phân tích ở *ví dụ 1*, còn có mặt những quan hệ từ làm nhiệm vụ này :

- Từ *nhưng* đầu câu (2) liên kết ý câu này với đoạn câu *tôi toan trả lời có* ở cuối câu (1).

- Từ *vì* đầu câu (3) liên kết ý câu này với đoạn câu *tôi cúi đầu không đáp* ở cuối câu (2).

- Từ *nhưng* đầu câu (4) liên kết câu này với câu (3).

- Từ *mặc dầu* đầu câu (5) liên kết câu này với câu (4).

Các câu trong ví dụ này có nội dung cùng hướng vào việc "lòng kính yêu của đứa con đối với mẹ trước những lời cay độc về mẹ nó".

2. Phương tiện liên kết và phép liên kết

Việc phân tích 2 ví dụ trên cho thấy sự liên kết ý giữa các câu có thể được thể hiện bằng từ, tổ hợp từ có ý nghĩa từ vựng đầy đủ hoặc bằng quan hệ từ.

Những từ, tổ hợp từ từ vựng có tính chất như vậy, những quan hệ từ như vậy được gọi là những *phương tiện liên kết*. Trên thực tế, các phương tiện liên kết rất phong phú (như sẽ thấy ở các tiết học sau).

Cách sử dụng những phương tiện liên kết cùng loại vào việc liên kết được gọi là *phương thức liên kết* hay *phép liên kết*.

Chẳng hạn, việc dùng các quan hệ từ để liên kết câu như ở *ví dụ 2* là thuộc *phép nối* (mối quan hệ từ là một phương tiện).

uongxua.vn

Việc dùng từ *nó* thay cho *con mẹ Nuôi* ở *ví dụ 1* là thuộc *phép thế* (*nó* là phương tiện được dùng để thế).

Phép liên kết khá đa dạng, chúng ta sẽ xem xét các phép liên kết sau đây :

- Phép nối
- Phép lặp
- Phép thế
- Phép liên tưởng
- Phép nghịch đối
- Phép trật tự tuyến tính

> **Liên kết câu** *trong văn bản là thực hiện trước hết những mối quan hệ ý nghĩa giữa câu với câu, câu với toàn văn bản. Các câu liên kết với nhau phải có nội dung cùng hướng về sự việc chung cần nói đến.*
>
> *Những từ, tổ hợp từ được dùng để thực hiện liên kết câu được gọi là những phương tiện liên kết. Phương tiện liên kết rất phong phú.*

Cách sử dụng những phương tiện liên kết cùng loại để liên kết câu được gọi là phương thức liên kết hay phép liên kết. Phép liên kết khá đa dạng : phép nối, phép lặp, phép thế, phép liên tưởng, phép nghịch đối, phép trật tự tuyến tính.

III – Bài tập

1. Gạch dưới những từ chỉ quan hệ cú pháp (không phải thực từ) đứng đầu câu có tác dụng liên kết trong phần trích sau đây :

Chà ! Chà ! Béo ơi là béo ! Béo đến nỗi có thằng dân nào vô ý, buột mồm ra nói một câu sáo rằng : "Nhờ bóng quan lớn", là tưởng ngay nó nói xỏ ông. Tức thì mặt bàn là một, mặt nó là hai, bị vả đôm đốp. Mà rồi thằng khốn nạn ấy, ông truy cho đến kì cùng, không còn có thể làm ăn mở mày mở mặt ra được. Bởi vì ông có sẵn trong tay hàng mớ pháp luật, thì ông ngại gì không khép thằng bảo quan béo vào tội "làm rối loạn trị an". Thế là việc công, việc tư, ông đều được trọn vẹn. Vì không những ông được hả giận, lại còn được tiếng mẫn cán là khác.

(Nguyễn Công Hoan)

thuongmaitr

2. Nội dung chung của phần trích ở *bài tập 1* nói về cái gì và nội dung các câu trong đó có hướng về việc ấy không ?

3. Cho biết những từ chỉ quan hệ cú pháp đã tìm được ở *bài tập 1* chỉ những nội dung quan hệ nào ?

4. Những từ *việc công, việc tư* trong câu "Thế là ... trọn vẹn" ở *bài tập 1* liên kết ý nghĩa với những phần nào trong câu cuối ?

5. Phương tiện liên kết câu là gì ? Cho ví dụ.

6. Phép liên kết là gì ? Hãy kể tên các phép liên kết.

Tiết 24

PHÉP NỐI

I – Tìm hiểu bài

1. Đọc những phần trích sau đây, chú ý những từ, tổ hợp từ in nghiêng :

a) Lí lịch của ông huyện Hinh cũng xấu thật. *Bởi vì* ngồi huyện nào, ông cũng bị dân kiện. *Mà* quan trên xét ra ông lại trễ nải việc quan. Đời làm quan của ông chỉ có hai việc chính : đánh bạc và chơi gái.

(Nguyễn Công Hoan)

b) Chuột Cống gật gù lim dim mắt kể lại cho đám đàn em :

– Hừ, cái nhà này ngày xưa tao không bao giờ thèm mò đến. Nhà nó nghèo lắm. *Thế mà* mấy năm nay có nồi đồng, cơm trắng, cá kho, thóc lúc nào cũng lưng lửng cót. [...]

(Nguyễn Đình Thi)

2. Cho biết trong những từ in nghiêng, từ nào là quan hệ từ, từ nào không phải là quan hệ từ mà vẫn có tác dụng liên kết câu ?

II – Bài học

uongxua.vn

1. Phép nối

Phép nối là cách liên kết câu bằng những từ, tổ hợp từ có nội dung chỉ mối quan hệ nào đó.

Ví dụ :

a) Chuột Cống bị vuốt Mèo cào rách một miếng da mũi chảy máu. *Nhưng* đã quen nhiều trận, Chuột Cống không hề nao núng, quay lại, cứ lùi lũi xông lên.

(Nguyễn Đình Thi)

b) Ngày chủ nhật hôm ấy Giáp rất bận. Giáp vừa cuốc được mảnh vườn, vừa làm xong các bài tập, lại còn giặt cả quần áo nữa. *Ngoài ra,* Giáp còn đến thăm người bạn ốm ở xóm bên.

2. Những từ, tổ hợp từ dùng trong phép nối

Phép nối sử dụng các phương tiện liên kết sau đây :

– Quan hệ từ, như : *và, vì, nhưng, thì, mà, nếu, cho nên, rồi v.v...* (x. ví dụ *a*).

– Từ ngữ chuyển tiếp, như : *bởi vậy, nếu thế, dầu vậy, tuy thế, vậy mà, đã vậy v.v...* (x. ví dụ *b*).

– Phụ từ, như : *lại, cũng, lại còn, v.v...*

Ví dụ :

Em bé ốm khóc. Chị nó vừa dỗ nó nín. Bây giờ nó *lại* khóc.

Những từ, tổ hợp từ này hoặc có nội dung quan hệ chặt chẽ, hoặc mang sắc thái ý nghĩa tinh tế. Cần lựa chọn cẩn thận khi cần sử dụng (nếu không cần thì không nên dùng).

Ví dụ :

Hoài Văn cúi đầu thưa :

– Cháu biết là mang tội lớn. *Nhưng* cháu trộm nghĩ rằng khi nước biến thì đến đứa trẻ cũng phải lo, huống hồ cháu đã lớn [...] (Quan hệ tương phản).

(Nguyễn Huy Tưởng)

Ông bực mình bèn ra lệnh cấm thợ cạo lia lưỡi dao lên môi ông một dạo, để ông nuôi râu. *Thì* sau hết, những lông tơ nó cũng dài ra, và trông rõ hơn. *Và* đến bây giờ, đứng ở hai bên miệng ông, nó thành hình cái dấu chua nghĩa (...) (*thì, và* vừa chỉ hệ quả – của điều kiện "cấm thợ cạo lia lưỡi dao lên môi ông một dạo", vừa tạo ấn tượng kéo dài trong thời gian, phải một thời gian khá lâu "cấm" như thế).

(Nguyễn Công Hoan)

Chú ý : Quan hệ từ và từ ngữ chuyển tiếp là những phương tiện chuyên dụng của liên kết, tuy nhiên không cứ có liên kết là phải dùng đến chúng. Việc có dùng hoặc không dùng chúng đều có kèm những tác dụng tu từ khác.

Phép nối *là cách liên kết câu bằng từ, tổ hợp từ có nội dung chỉ quan hệ.*

Các phương tiện dùng trong phép nối là :

– quan hệ từ

– từ ngữ chuyển tiếp

– phụ từ.

III – Bài tập

1. Tìm các phương tiện liên kết thuộc phép nối trong những phần trích sau đây và cho biết chúng thuộc loại nào (quan hệ từ, từ ngữ chuyển tiếp, phụ từ) ?

a) Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Tôi quý chúng có lẽ còn hơn những ngón tay tôi. Hồi bị ốm nặng ở Sài Gòn tôi bán gần hết cả quần áo, nhưng vẫn không chịu bán cho ai một quyển. Ốm dậy, tôi về quê, hành lí chỉ vẻn vẹn có một cái va-li đựng toàn những sách. Ôi những quyển sách rất nâng niu ! Tôi đã nguyện giữ chúng suốt đời, để lưu lại cái kỉ niệm một thời chăm chỉ, hăng hái và tin tưởng đầy những say mê đẹp và cao vọng : mỗi lần mở một quyển ra, chưa kịp đọc dòng nào, tôi đã thấy bừng lên trong lòng tôi như một rạng đông, cái hình ảnh tuổi hai mươi trong trẻo, biết yêu và biết ghét... Nhưng đời người ta không chỉ khổ một lần. Mỗi lần cùng đường đất sinh nhai và bán hết mọi thứ rồi, tôi lại phải bán đi một ít sách của tôi. Sau cùng chỉ còn có năm quyển, tôi nhất định, dù có phải chết cũng không chịu bán. Ấy thế mà tôi cũng bán ! Mới cách đây có hơn một tháng thôi, đứa con nhỏ của tôi bị chứng lị gần kiệt sức...

(Nam Cao)

b) Chị Dậu lại chứa chan nước mắt. Buồn rầu, chị sẽ ngồi xuống bậc cửa và nối chầu lên :

– Vâng ! Con cũng biết cụ có lòng thương nhà con mới thế. Chứ đàn chó vừa mở mắt, ai mua làm gì ? ... Nhưng, thưa cụ, giá chó bây giờ cũng không rẻ lắm, một con chó cái, con đem ra bán ít nhất cũng được đồng rưỡi. Còn bốn con chó con, nếu nuôi thêm vài phiên chợ nữa, thế nào cũng được năm hào một con. Vậy là tất cả đến ba đồng rưỡi, cụ cho con một đồng thì thiệt con quá. Xin cụ trông lại !

(Ngô Tất Tố)

2. Tìm các phương tiện liên kết thuộc phép nối trong phần trích sau đây và cho biết nội dung ý nghĩa của chúng :

Ấy ! Sự đời lại cứ thường như vậy đấy. Người ta định rồi chẳng bao giờ người ta làm được. Hai đứa mê nhau lắm. Bố

mẹ đứa con gái biết vậy, nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách nặng quá : nguyên tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn cau, còn rượu... cả cưới nữa thì mất đến cứng hai trăm bạc. Lão Hạc không lo được. Ý thằng con lão thì nó muốn bán vườn, cố lo cho bằng được. Nhưng lão không cho bán. Ai lại bán vườn đi mà lấy vợ ? Và lại bán vườn đi, thì cưới vợ về, ở đâu ? Vả lại, nói cho cùng nữa, nếu đằng nhà gái họ cứ khăng khăng đòi như vậy, thì dẫu có bán vườn đi cũng không đủ cưới.

(Nam Cao)

3. Xét nội dung ý nghĩa, trong số các phương tiện liên kết thuộc phép nối ở phần trích tại *bài tập 2* có hiện tượng đồng nghĩa không ? Ngoài những phương tiện liên kết đồng nghĩa có mặt, còn có thể tìm thấy phương tiện liên kết nào nữa cũng đồng nghĩa với chúng không ?

4. Viết một bài nhỏ hoặc một đoạn văn nhỏ, sử dụng quan hệ từ làm phương tiện liên kết câu.

5. Viết bài nhỏ hoặc một đoạn văn nhỏ, sử dụng từ ngữ chuyển tiếp làm phương tiện liên kết câu.

Tiết 25

PHÉP LẶP

I – Tìm hiểu bài

1. Trong những câu nối tiếp nhau sau đây, tên gọi của cái gì được nhắc đi nhắc lại gần như trong từng câu :

Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Tôi quý chúng có lẽ còn hơn những ngón tay tôi. Hồi bị ốm nặng ở Sài Gòn tôi bán gần hết cả quần áo, nhưng vẫn không chịu bán cho ai một quyển. Ốm dậy, tôi về quê, hành lí chỉ vẻn vẹn có một cái va-li đựng toàn những sách. Ôi những quyển sách rất nâng niu.

2. Trong từng đôi câu thơ sau đây, có cái gì được lặp lại ở mỗi câu :

a) Ao sâu nước cả khôn chài cá,
Vườn rộng rào thưa khó đuổi gà.

b) Cải chửa ra bông, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.

(Nguyễn Khuyến)

c) Lặn lội thân cò khi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

d) Một duyên hai nợ âu đành phận,
Năm nắng mười mưa dám quản công.

(Trần Tế Xương)

3. Tìm những từ có âm trùng lặp tạo nên vần trong mấy câu thơ sau đây :

Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây
Một bàn cờ thế phút sa tay !
Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy
Mất ổ đàn chim dáo dác bay.

uongxua.vn

[...]

(Nguyễn Đình Chiểu)

II – Bài học

1. Phép lặp

Phép lặp trong liên kết câu là cách dùng đi dùng lại một từ, tổ hợp từ, hay một kiểu cấu trúc cú pháp, hay một hình ảnh âm thanh nào đó, nhằm tạo ra sự gắn bó về ý nghĩa hoặc về hình thức, hoặc về cả ý nghĩa lẫn hình thức, giữa các câu chứa cách dùng đó.

Về lặp từ xem ở ví dụ trong *điểm 1* của mục *Tìm hiểu bài*.

Về lặp kiểu cấu trúc cú pháp, xem ở ví dụ trong *điểm 2* của mục *Tìm hiểu bài*.

Về lặp ngữ âm xem ở ví dụ trong *điểm 3* của mục *Tìm hiểu bài*.

2. Các phép lặp cụ thể

Trong phép lặp nói chung có 3 phép lặp cụ thể. Đó là :

- Lặp từ vựng
- Lặp cấu trúc cú pháp
- Lặp ngữ âm.

a) Lặp từ vựng. Lặp từ vựng là dùng lại từ hoặc tổ hợp từ đã có để tạo ra tính liên kết câu. Từ, tổ hợp từ dùng lặp có thể y nguyên, cũng có thể thay đổi chút ít mà không phương hại đến nội dung ý nghĩa.

Ví dụ :

Chị Lan từ trong buồng đi ra, khệ nệ ôm cái thúng *quần áo* đặt lên đầu phản. Mẹ Sơn lật cái vỉ buồm, lục đống *quần áo* rét. Sơn nhận ra cũng những *cái áo* Sơn đã mặc năm ngoái, năm kia, một *cái áo* vệ sinh màu nâu sẫm với *cái áo* dạ khâu chỉ đỏ. Sơn cầm giơ những *cái áo* lên, thấy mát lạnh cả tay. Từ bộ *quần áo* thoảng ra hơi mốc của vải gấp lâu trong hòm, làm Sơn lại nhớ những buổi đầu mùa rét từ bao giờ, lâu lắm, ngày Sơn còn nhỏ.

(Thạch Lam)

b) Lặp cấu trúc cú pháp. Lặp cấu trúc cú pháp là dùng lại cấu trúc cú pháp nào đó với tác dụng tạo ra tính liên kết câu. Hiện tượng này đặc biệt rõ trong nghệ thuật làm câu đối, trong một số luật thơ.

Ví dụ : Bến Nghé / của tiền / tan bọt nước

Đồng Nai / tranh ngói / nhuốm màu mây.

(Nguyễn Đình Chiểu)

Đề ngữ / chủ ngữ / vị ngữ

c) Lặp ngữ âm. Lặp ngữ âm là dùng lại âm hoặc hình ảnh âm (tức là âm thanh tương tự, gợi nên sự lặp) với tác dụng tạo ra tính liên kết câu. Hiện tượng này đặc biệt rõ trong thơ ca.

Ví dụ : SÔNG LẤP

Sông kia rày đã nên *đồng*,
Nơi làm nhà cửa nơi *trồng* ngô **khoai**.
Vẳng nghe tiếng ếch bên **tai**
Giật mình còn tưởng tiếng **ai** gọi đò.

(Trần Tế Xương)

Chú ý : Lặp không phải là phương thức chuyên dùng cho liên kết câu, nhưng nó vẫn có tác dụng đối với liên kết câu. Ngoài tác dụng này, lặp còn được dùng với những mục đích tu từ khác nữa như nhấn mạnh, tạo sự chính xác, tạo sắc thái thân mật – suồng sã hoặc kính trọng v.v...

Phép lặp *là cách dùng đi dùng lại một yếu tố ngôn ngữ để tạo ra tính liên kết giữa các câu chứa yếu tố đó.*

Có ba cách lặp cụ thể là :

Lặp từ vựng

tuongxua.vn

Lặp cấu trúc cú pháp

Lặp ngữ âm.

Ngoài tác dụng tạo tính liên kết câu, lặp còn có tác dụng tạo những sắc thái tu từ khác.

III – Bài tập

1. Tìm những phép lặp cụ thể trong các câu của phần trích sau đây :

Tre xung phong vào xe tăng đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre ! Anh hùng lao động. Tre ! Anh hùng chiến đấu.

(Thép Mới)

2. Thử xóa bỏ phép lặp từ vựng ở phần trích trong *bài tập 1*, thay thế từ lặp bằng những từ không có quan hệ liên tưởng

với nhau, không bao hàm lẫn nhau. Cho biết tính liên kết câu có còn giữ được hay không ?

3. Tìm những phép lặp cụ thể trong các câu hoặc đoạn câu của phần trích sau đây :

Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm, như dâng cao, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt nặng nề. Trời ầm ầm dông gió, biển đục ngầu, giận dữ.

(Vũ Tú Nam)

4. Cho biết những sắc thái tu từ kèm theo, ngoài tác dụng liên kết câu, ở những hiện tượng lặp trong phần trích ở *bài tập 3*.

5. Có thể nhận xét gì về sự *hiệp vần* trong hai câu thơ đầu của bốn câu trích sau đây ?

Nàng nghe chàng nói một khi
Theo chàng xem đánh giặc thì làm sao.
Xe loan chàng thiếp ngự vào
Tay tiên bèn gảy thanh tao cung đàn

(*Thạch Sanh*)

6. Viết một đoạn văn ngắn hoặc một bài văn nhỏ, sử dụng phép lặp từ vựng.

7. Thử đặt vài câu thơ lục bát, ít nhất là 4 câu liền nhau, chỉ ra sự hiệp vần giữa các câu thơ đó.

Tiết 26

PHÉP THẾ

I – Tìm hiểu bài

1. Đọc những phần trích sau đây, chú ý những chỗ in nghiêng :

Mùa xuân, cây gạo gọi đến bao nhiêu là chim. Từ xa nhìn lại, cây gạo sừng sững như một tháp đèn khổng lồ. Hàng ngàn

bông hoa là hàng ngàn ngọn lửa hồng. Hàng ngàn búp nõn là hàng ngàn ánh nến trong xanh. *Tất cả* đều lóng lánh lung linh trong nắng.

(Vũ Tú Nam)

2. Xét xem từ *tất cả* ở phần trích trên thay thế cho những tổ hợp từ nào ? Nếu bỏ *tất cả* đi thì câu cuối có cho thấy nó được liên kết với câu nào không ?

II – Bài học

1. Phép thế

Thế là cách dùng từ, tổ hợp từ khác có nội dung tương đương thay thế cho từ, tổ hợp từ đã được dùng, qua đó góp phần tạo ra tính liên kết câu.

2. Các phương tiện dùng trong phép thế

Các phương tiện thường gặp được sử dụng trong phép thế là :

– Thế bằng đại từ

uongxua.vn

– Thế bằng từ, tổ hợp từ đồng nghĩa, gần nghĩa

– Thế bằng các từ, tổ hợp từ khác nhau cùng chỉ về một vật, một việc.

a) Thế đại từ

Thế đại từ là sử dụng đại từ (đại từ nhân xưng, đại từ thay thế, đại từ chỉ định) và những từ được dùng với tư cách đại từ (như *tất cả, cái, con, cây*, v.v...) thay thế cho từ, tổ hợp từ nào đó, qua đó tạo ra tính liên kết giữa các câu chứa chúng.

Ví dụ :

Đến cuối chợ đã thấy *lũ trẻ* đang quây quần chơi nghịch. *Chúng nó* thấy chị em Sơn đến đều lộ vẻ vui mừng, nhưng *chúng* vẫn đứng xa, không dám vồ vập.

(Thạch Lam)

Sơn kéo chăn lên đắp cho em, rồi co ro đứng dậy sang phản bên này, ngồi xếp bằng bên khay nước. Mẹ Sơn rót một chén. Sơn cầm lấy chén chè nóng áp vào mặt, vào má cho ấm rồi *để*

mắt vào miệng chén cho hơi bốc lên. Bà Sơn thường vẫn bảo **làm thế** chóng tinh mắt.

(Thạch Lam)

b) Thế đồng nghĩa, gần nghĩa. Thế đồng nghĩa, gần nghĩa là sử dụng từ, tổ hợp từ đồng nghĩa, gần nghĩa thay thế cho những từ, tổ hợp từ nào đó và qua đó tạo ra tính liên kết giữa các câu chứa chúng.

Ví dụ :

Ông bực mình bèn ra lệnh cấm thợ cạo lia lưỡi dao lên môi ông một dạo, để ông nuôi *râu*. Thì sau hết, những *lông tơ* nó cũng dài ra, và trông rõ hơn. Và đến bây giờ, đứng hai bên miệng ông, nó thành hình cái dấu chua nghĩa.

(Nguyễn Công Hoan)

c) Thế bằng từ, tổ hợp từ khác nhau cùng chỉ về một vật, việc.

Thế bằng từ, tổ hợp từ khác nhau cùng chỉ về một vật, việc là dùng các từ, tổ hợp từ vốn không gần nghĩa nhau, nhưng trong trường hợp dùng cụ thể đó chúng cùng chỉ về một vật, một việc để thay thế nhau ; và qua đó tạo nên tính liên kết giữa những câu chứa chúng.

Ví dụ : Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ *có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi*, một người đàn bà đã bị cái tội là góa chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực. Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những *rắp tâm tanh bẩn* xâm phạm đến.

(Nguyên Hồng)

Phép thế *là cách dùng những từ, tổ hợp từ khác nhau nhưng cùng chỉ về một vật, một việc để thay thế cho nhau ; và qua đó tạo tính liên kết giữa các câu chứa chúng.*

Các phương tiện thường được sử dụng trong phép thế là :

– *các đại từ*

– *các từ, tổ hợp từ đồng nghĩa, gần nghĩa*

– *các từ, tổ hợp từ khác nhau (cùng chỉ về một vật, một việc).*

III – Bài tập

1. Tìm trong phần trích sau đây những từ, tổ hợp từ thuộc phép thế :

Con mẹ Nuôi, tay cầm lá đơn, đứng ở sân công đường. Nó hớt hơ hớt hải qua cổng chòi, rồi sợ sệt bỡ ngỡ, không biết quan ngồi ở buồng nào. Bỗng một người mặc áo cánh nái nhuộm vỏ già chạy xồng xộc đến trước mặt nó và hỏi :

– Đi đâu ?

Con mẹ Nuôi biết ngay rằng đó là cậu lính lệ. Và như hiểu rõ phép vào quan, nó giúi đưa cậu lệ hai hào đã cầm sẵn ở trong tay, rồi nói nhỏ :

– Nhờ cậu bẩm quan cho tôi vào hầu.

Cậu lệ tuy đã cầm tiền, nhưng làm như ta không để ý đến việc nhỏ nhen ấy, bèn vừa thò tay, vừa nói to :

– Đưa xem đơn việc gì ?

Rồi trong khi nhà Nuôi kể lể, thì cậu lệ đánh vần để đọc lá đơn [...].

uongxua.vn

(Nguyễn Công Hoan)

2. Cho biết những từ, tổ hợp từ tham gia vào phép thế trong phần trích ở *bài tập 1* thuộc vào những nhóm phương tiện cụ thể nào ?

3. Tại sao lão Hạc thay đổi cách gọi con chó nhà lão trong phần trích sau đây ? Sự thay đổi này thuộc phép liên kết nào (đã học) ?

– Khốn nạn... Ông giáo ơi ! ... Nó (= con chó vàng) có biết gì đâu ! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên. Cứ thế là thằng Mục với thằng Xiên, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại. Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết !... Này ! Ông giáo ạ ! Cái giống nó cũng khôn ! Nó cứ làm in như nó trách tôi ; nó kêu ư ử, nhìn

tôi, như muốn bảo tôi rằng : "A ! Lão già tệ lắm ! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à ?". Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó !

(Nam Cao)

4. Viết một bài nhỏ hoặc một đoạn văn nhỏ, sử dụng phép thế đại từ, nói rõ ý định dùng những đại từ thay thế đó.

5. Viết một bài nhỏ hoặc một đoạn văn nhỏ, sử dụng phép thế đồng nghĩa, gần nghĩa ; nói rõ dụng ý của mình.

Hoặc : Tìm những phần văn bản có sử dụng phép thế đồng nghĩa, gần nghĩa và cố gắng giải thích hiện tượng đó.

6. Viết một bài nhỏ hoặc một đoạn văn nhỏ, sử dụng nhóm phương tiện thứ ba như một phương tiện liên kết câu. Cho biết dụng ý trong việc làm này.

thuongmaitr

Tiết 27

PHÉP LIÊN TƯỞNG, PHÉP NGHỊCH ĐỐI

I – Tìm hiểu bài

1. Nếu cho từ *mưa* thì em có thể nghĩ ngay (liên tưởng) đến từ gì ? Và từ gì nữa ?

2. Trong mấy câu liên tiếp sau đây, hãy gạch dưới những từ có quan hệ liên tưởng với nhau, được phân bố trong những câu khác nhau :

Cơn mưa kéo từ bờ bên kia sang. Những tia chớp làm quang cả bầu trời, mây hiện lên lộng lẫy như một bức tranh sơn mài. Gió quất mưa ầm ỉ trên mặt sông...

(Đỗ Chu)

3. Những từ nằm trong quan hệ liên tưởng với nhau ở những câu trên có giúp liên kết các câu ấy lại với nhau không ?

II - Bài học

1. Phép liên tưởng

a) Sự liên tưởng và phép liên tưởng

– *Liên tưởng* là từ sự vật, hiện tượng này nghĩ đến sự vật, hiện tượng khác xét theo những mặt nào đó (như vật với vật, vật và hành động, trạng thái của vật, vật và công dụng của vật...).

– *Phép liên tưởng* với tư cách là phương thức liên kết câu thể hiện ở chỗ : trong những câu này, các từ, tổ hợp từ có quan hệ liên tưởng với nhau giúp tạo ra sự liên kết giữa những câu chứa chúng.

Ví dụ : *Mặt* lão đột nhiên **co dúm lại. Những vết nhăn xô lại** với nhau, ép cho *nước mắt chảy ra*. *Cái đầu lão* nghẹo về một bên và *cái miệng* móm mém của lão *mếu* như con nít. Lão hu hu *khóc*.

(Nam Cao)

Trong 3 câu trên, tồn tại những từ, tổ hợp từ có quan hệ liên tưởng như sau :

– mặt – mắt – đầu – miệng

– mặt co dúm lại – vết nhăn xô lại

– nước mắt chảy ra – mếu – khóc

b) Một số quan hệ liên tưởng

Như đã thấy, quan hệ liên tưởng có thể được xác lập theo nhiều phương diện. Một cách giản đơn, có thể nêu những quan hệ liên tưởng chung sau đây :

– Liên tưởng vật với vật (thuộc những lớp, loại giống nhau hoặc khác nhau xét ở phương diện nào đó).

– Liên tưởng vật với đặc trưng của vật (bao gồm hành động, trạng thái, tính chất v.v...).

– Liên tưởng vật với công dụng (chức năng) của vật.

– Liên tưởng vật, sự việc với hoàn cảnh của nó (bao gồm hoàn cảnh không gian, thời gian, nguyên nhân, hệ quả, điều kiện v.v...).

– Liên tưởng sự việc với sự việc.

Những tổ hợp từ có quan hệ liên tưởng nói ở *điểm a* thuộc các quan hệ sau đây :

– Vật với vật : mặt – đầu – miệng – mắt.

– Hoàn cảnh – vật (nguyên nhân – hệ quả) : mặt co dúm lại – vết nhăn xô lại.

– Sự việc với sự việc : nước mắt chảy ra – mếu – khóc.

2. Phép nghịch đối

a) Nghịch đối và phép nghịch đối

– Nghịch đối là quan hệ trái ngược lại, theo những mức độ mạnh / yếu khác nhau.

Ví dụ :

râm / mưa – nắng

béo (mập) – gầy / làng nhàng

chạy – đứng / ngồi

tự do / nô lệ

– Phép nghịch đối với tư cách là phương thức liên kết câu thể hiện ở chỗ : trong những câu này, các từ, tổ hợp từ có quan hệ nghịch đối với nhau giúp tạo ra sự liên kết giữa những câu chứa chúng.

Ví dụ :

– Tùy đấy, mày *có tin* nhà tao thì điểm chỉ vào đem về cho chồng mày kí tên, và xin chữ lí trưởng nhận thực tử tế rồi mang sang đây, thì tao sẽ giao tiền cho. Nếu mày *không tin* thì thôi. Đây tao không ép.

(Ngô Tất Tố)

b) Một số cách biểu thị quan hệ nghịch đối

Quan hệ nghịch đối trong liên kết câu thường được diễn đạt bằng các phương tiện sau đây :

- Từ, tổ hợp từ trái nghĩa nhau.
- Từ, tổ hợp từ có ý nghĩa khẳng định – phủ định.
- Từ, tổ hợp từ miêu tả ước lệ, ý nghĩa trái ngược nhau.

Ví dụ :

Rượu thì đã tan lúc nào. Người *về*, người *đi chơi* đã vãn cả. Mị không biết, Mị vẫn *ngồi trơ* một mình giữa nhà. (Từ, tổ hợp từ trái nghĩa).

(Tô Hoài)

– Tùy đấy, mày có *tin* nhà tao thì điểm chỉ vào đem về cho chồng mày kí tên, và xin chữ lí trưởng nhận thực tử tế rồi mang sang đây, thì tao sẽ giao tiền cho. Nếu mày *không tin* thì thôi. Đây tao không ép. (Tổ hợp từ khẳng định – phủ định).

uongxua.vn

(Ngô Tất Tố)

Biết rất rõ về tôi, địch quyết bắt tôi *khuất phục*. Nhưng tôi *quyết giữ vững lập trường chiến đấu* của mình. (Từ, tổ hợp từ ước lệ).

(Nguyễn Đức Thuận)

Phép liên tưởng *trong liên kết câu là cách dùng các từ, tổ hợp từ có quan hệ liên tưởng trong từng câu giúp tạo ra sự liên kết giữa các câu chứa chúng.*

Những quan hệ liên tưởng thường gặp là :

- *Liên tưởng vật – vật*
- *Liên tưởng vật – đặc trưng của vật*
- *Liên tưởng vật – công dụng (chức năng) của vật*
- *Liên tưởng vật – hoàn cảnh*
- *Liên tưởng sự việc – sự việc.*

Phép nghịch đối *trong liên kết câu là cách dùng các từ, tổ hợp từ có quan hệ nghịch đối trong từng câu giúp tạo ra sự liên kết giữa các câu chứa chúng.*

Quan hệ nghịch đối có thể được diễn đạt bằng :

– Từ, tổ hợp từ trái nghĩa nhau

– Từ, tổ hợp từ có ý nghĩa khẳng định – phủ định

– Từ, tổ hợp từ miêu tả ước lệ có ý nghĩa trái ngược nhau.

III – Bài tập

1. Tìm những từ, tổ hợp từ có quan hệ liên tưởng và nghịch đối có tác dụng liên kết câu với câu trong bài thơ sau đây :

LƯU BIỆT KHI XUẤT DƯƠNG

Làm trai phải lạ ở trên đời
Há để càn khôn tự chuyển dời
Trong khoảng trăm năm cần có tớ
Sau này muôn thuở, há không ai ?
Non sông đã chết, sống thêm nhục,
Hiền thánh còn đâu, học cũng hoài.
Muốn vượt bể Đông theo cánh gió
Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi.

(Phan Bội Châu –
Tôn Quang Phiệt *dịch* từ chữ Hán)

2. Cho biết các quan hệ liên tưởng trong bài thơ ở *bài tập 1* thuộc loại nào ?

3. Cho biết những quan hệ nghịch đối trong bài thơ ở *bài tập 1* được diễn đạt bằng phương tiện nào ?

thuongmaitr

4. Hãy tìm những từ, tổ hợp từ có quan hệ liên tưởng với các từ in nghiêng trong những câu nối tiếp sau đây và cho biết tác dụng của quan hệ liên tưởng ở đó :

Xe đỗ ở một *thị trấn* ven đường. Hai dãy phố với vài ba *quán ăn*, dăm gốc phượng non cành lá thưa thớt. Người lái xe và chú bé phụ lái đã ra gọi hủ tiếu, la ve ngay trên vỉa hè, dưới một tán dù vải...

5. Viết 4 câu nối tiếp nhau, sử dụng quan hệ liên tưởng vào việc liên kết câu.

6. Viết 4 câu nối tiếp nhau, sử dụng quan hệ nghịch đối vào việc liên kết câu.

Tiết 28

PHÉP TRẬT TỰ TUYẾN TÍNH

I – Tìm hiểu bài

uongxua.vn

1. Trong phần trích sau đây, trật tự các câu có thể thay đổi được không ?

(1) Đêm gần khuya, trăng đã xế ngang đầu, anh em cũng đã cạn hứng, muốn về nghỉ.

(2) Tôi tiếc cái thú đêm trăng đó, bảo buông lái cho thuyền tự ý đi vung một lúc rồi hãy về.

(3) Thuyền theo gió từ từ mà đi, ra tới giữa khoảng mênh mông, tôi đứng trên đầu thuyền, ngó quanh tả hữu. Đêm thanh cảnh vắng, bốn bề lặng ngắt như tờ. Chỉ còn nghe mấy tiếng cá "tắc tắc" ở dưới đám rong, mấy tiếng chim nước kêu "oác oác" ở trong bụi niễng, cùng là văng vẳng tiếng chó sủa, tiếng gà gáy ở mấy nơi chòm xóm quanh hồ mà thôi [...]

(Phan Kế Bính – *Đêm trăng chơi Hồ Tây*)

2. Thử tìm hiểu xem tại sao trật tự các câu trong phần trích trên phải như vậy ?

3. Hai đôi câu sau đây, đôi câu nào thường được dùng hơn (không thêm bớt từ nào) :

a) Mưa. Tôi không đến được.

b) Tôi không đến được. Mưa.

II – Bài học

1. Trật tự tuyến tính

Những âm thanh con người nói ra đều được sắp xếp thành chuỗi, cái trước cái sau. Chuỗi âm thanh ngôn ngữ được sắp xếp như vậy gọi là *hình tuyến của ngôn ngữ*. Trật tự tuân theo sự sắp xếp của hình tuyến đó (trước sau) được gọi là *trật tự tuyến tính* (có tính chất hình tuyến).

Chẳng hạn : *a* đứng trước *m* ta có *am*

m đứng trước *a* ta có *ma*

2. Phép liên kết trật tự tuyến tính

Trật tự tuyến tính (riêng nó hoặc phối hợp với các phương tiện liên kết khác) cũng có tác dụng liên kết câu với câu trong văn bản : các câu liên kết nhau phải được xếp theo một trật tự có lựa chọn. Phân tích những cách nói sau đây có thể thấy được điều này.

Ví dụ : Người Việt Nam có thể nói một cách dễ dàng :

a) Mưa. Tôi không đến được.

Nhưng không mấy khi nói (chỉ nói được khi hoàn cảnh cho phép) :

b) Tôi không đến được. Mưa.

Muốn nói chuỗi câu *b* một cách thông thường, thì phải thêm từ chỉ quan hệ nguyên nhân vào câu thứ hai của chuỗi :

c) Tôi không đến được. Vì mưa.

d) Tôi không đến được. Mưa mà (lị).

thuongmaitr

3. Trật tự tuyến tính của câu trong liên kết lệ thuộc vào nhiều nhân tố

Có nhiều nhân tố chi phối việc lựa chọn trật tự tuyến tính của câu trong liên kết. Những nhân tố thường dễ nhận thấy nhất là :

– Mục đích cần đạt đến của người nói

– Cách nhìn nhận sự việc của người nói

– Hoàn cảnh nói (của lời nói nói chung và của mỗi câu trong chuỗi câu nói riêng).

a) Về mục đích của người nói

– Muốn đạt được sự cảm thông thì khi giải thích nguyên nhân của một việc không vừa ý nào đó, người ta thường kể ra những lí do, cái hoàn cảnh làm nảy sinh sự việc đó.

Ví dụ :

Đường thì xa, trời thì nắng. Xe em lại hỏng. Em đành xin lỗi là đến trễ vậy.

uongxua.vn

– Khi muốn báo một điều khẩn cấp (nhất là tin vui), người ta thường nêu kết quả trước, việc giải thích nguyên nhân để sau.

Ví dụ :

Nó đỗ rồi ! Toán được chín rưỡi, lí được tám, hóa được tám.

b) Về cách nhìn nhận sự việc

Để nói lên sự bất ngờ thay đổi thời tiết, có một tác giả viết :

(1) Buổi sáng hôm nay, mùa đông đột nhiên đến không báo cho biết trước.

(2) Vừa mới ngày hôm qua trời hãy còn nắng ấm và hanh, cái nắng về cuối tháng mười làm nứt nẻ đồng ruộng, và làm giòn khô những chiếc lá rơi. Sơn và chị chơi cỏ gà ở ngoài đồng còn thấy nóng bức, chảy mồ hôi.

(3) Thế mà qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi ra gió bấc rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt. (4) [...]

(Thạch Lam)

Nếu chuyển câu (1) ra sau câu (2, 3) thì bằng cách đó đã làm mất tính chất "đột nhiên", và thành ra "đã báo trước" trong cách trình bày, mặc dù vẫn miêu tả được sự thay đổi đột nhiên, không báo trước của thời tiết.

c) Về hoàn cảnh nói

Khi không cần phải thay đổi trình tự thực tế của sự việc vì những mục đích diễn đạt nào đó khác thì việc trước nói trước, việc sau nói sau là lẽ đương nhiên, và mục đích diễn đạt bây giờ là "để cho nó khách quan".

Ví dụ :

Đến Sài Gòn thì ông Va-ren, có gì mà không lượng trước được, sẽ bị quấn quýt lấy, lôi kéo đi, giằng co, ru vỗ, ấp ủ trong mớ bòng bong những buổi chiêu đãi, những cuộc tiếp với rước, những lời chúc với tụng. Tiếp đấy là một cuộc tuần du linh đình qua khu phố bản xứ, giữa hàng nghìn người da vàng đã được nước Pháp hàng phục bằng sức mạnh của lưỡi lê, nay giao phó vận mệnh trong tay quan Toàn quyền. [...]

(Nguyễn Ái Quốc - Phạm Huy Thông *dịch* từ tiếng Pháp)

thuongmaitr

Liên kết trật tự tuyến tính *của câu là sự liên kết được tạo ra do trật tự trước sau của các câu có liên quan. Trật tự tuyến tính của câu trong liên kết lệ thuộc vào những nhân tố thường dễ nhận thấy là :*

- *Mục đích cần đạt đến của người nói.*
- *Cách nhìn nhận sự việc của người nói.*
- *Hoàn cảnh nói.*

III - Bài tập

1. Đọc phần trích sau đây và trả lời các câu hỏi cho bên dưới :

[...]

(3) Thuyền theo gió từ từ mà đi, ra tới giữa khoảng mênh mông, tôi đứng trên đầu thuyền, ngó quanh tả hữu. (4) Đêm thanh cảnh vắng bốn bề lặng ngắt như tờ. (5) Chỉ còn nghe mấy tiếng cá "tắc tắc" ở dưới đám rong, mấy tiếng chim nước

kêu "oác oác" ở trong bụi niễng, cùng là văng vẳng tiếng chó sủa, tiếng gà gáy ở mấy nơi chòm xóm quanh hồ mà thôi. (6) Trông về đông nam kìa đền Quán Thánh, đó là chùa Trấn Quốc ; trông về tây bắc, đây đình Vọng Thị, nọ văn chỉ Tây Hồ, cây cối vài đám um tùm, lâu đài mấy tòa ẩn hiện, mặt nước phẳng lì tứ phía, da trời xanh ngắt một màu, xem phong cảnh đó, có khác gì bức tranh sơn thủy của Tạo hóa treo ở trước mắt ta không ? (7) Tôi ngắm đi ngắm lại lấy làm thích chí, song cũng vì cảnh tĩnh mịch mà lại sinh ra ý ngại ngùng, lòng ngao ngán và nỗi buồn tanh.

(Phan Kế Bính)

a) Có thể đổi trật tự câu (3) ra sau câu (5), trước câu (6) được không ?

b) Nay thêm vào phần trích ở đây các câu (1, 2) ở *điểm 1* mục *Tìm hiểu bài* và xét lại câu trả lời cho câu hỏi *a* trên đây.

2. Vị trí của câu (3) trong phần trích trên (kể cả câu 1, 2) là do nhân tố nào quy định ?

truongxua.vn

3. Viết một chuỗi câu sử dụng trật tự tuyến tính phản ánh trật tự sự việc của hiện thực khách quan.

4. Thay đổi trật tự tuyến tính trong chuỗi câu có được ở *bài tập 3* và cho biết ý định diễn đạt trong sự thay đổi trật tự đó (có thể thêm bớt từ).

Tiết 29

LUYỆN TẬP

I - Nội dung

1. Liên kết câu với câu là làm gì ? Nội dung của các câu được liên kết phải cùng hướng về cái gì ?

2. Phân biệt phương tiện liên kết câu với phép (phương thức) liên kết câu.

3. Kể ra những phép liên kết câu đã học.

4. Trong sự liên kết câu với câu, có nhất thiết chỉ được dùng một phép liên kết nào đó không ?

II - Bài tập

1. Trong phần trích sau đây, giữa câu với câu có những phương tiện liên kết thuộc phép liên kết nào ?

(1) Khi đôi gà đã chạy về, quan bèn nhìn con mẹ, và bảo :

– Vào đây.

(2) Nó mừng quá, lóp ngóp đứng dậy, vội vã theo vào trong buồng giấy.

(3) Nó đứng ở cạnh bàn, run lên bần bật. (4) Nó liếc nhìn quan. (5) Ngài oai vệ quá. (6) Nó lại sợ hơn nữa. Nhưng dù run hay sợ, nó cũng không quên được việc vi thiếng quan.

(Nguyễn Công Hoan)

thuongmaitr

2. Đọc phần trích sau đây, chú ý những chỗ in nghiêng chỉ cùng một người, in đậm chỉ cùng một người và trả lời các câu hỏi bên dưới :

Quốc Toản chạy xồng xộc xuống bến, quỳ xuống tâu vua, tiếng nói như thét : – Xin quan gia cho đánh ! Cho giặc mượn đường là mất nước.

Nói xong, *Hoài Văn* run bắn, tự đặt thanh gươm lên gáy và xin chịu tội. Thiệu Bảo gật đầu, mỉm cười nhìn Hưng Đạo Vương và Hưng Đạo Vương cũng gật đầu. Lời nói của Hoài Văn chính hợp với ý của nhà vua và Hưng Đạo. Nhưng trong đám vương hầu, có một người sầm nét mặt. Đấy là **Chiêu Quốc Vương Ích Tắc**. **Ích Tắc** là kẻ chủ hòa, **Chiêu Quốc Vương** nói :

– *Hoài Văn Hầu* làm loạn phép nước. Muốn trị nước phải trị người thân trước đã. Cúi xin quan gia cho chém đầu để nghiêm quân lệnh !

(Nguyễn Huy Tưởng)

Câu hỏi :

a) Quốc Toản, Hoài Văn, Hoài Văn Hầu cùng chỉ một người. Giải thích tại sao trong 3 câu khác nhau mỗi câu dùng một cách gọi ?

b) Chiêu Quốc Vương, Ích Tắc cùng chỉ một người. Tại sao trong cùng một câu lại dùng tách 2 tên gọi riêng ra : **Ích Tắc** *là kẻ chủ hòa*, **Chiêu Quốc Vương** *nói :*

– [...]

3. Đặt một chuỗi câu liên kết, sử dụng phép nối và phép thế để liên kết câu.

4. Đặt một chuỗi câu liên kết, sử dụng phép lặp để liên kết câu. Cho biết hiện tượng đó thuộc phép lặp cụ thể nào ?

5. Đặt một chuỗi câu, sử dụng phép liên tưởng hoặc nghịch đối để liên kết câu.

uongxua.vn

Tiết 30

PHÉP LIÊN KẾT VÀ GIÁ TRỊ DIỄN ĐẠT

I – Tìm hiểu bài

1. Đọc chuỗi câu trích sau đây, chú ý tác dụng của từ *vì* (in nghiêng) :

Bởi vì ông có sẵn trong tay hàng mớ pháp luật, thì ông ngại gì không khép thằng bảo quan béo vào tội "làm rối cuộc trị an". Thế là việc công, việc tư, ông đều được trọn vẹn. *Vì* không những ông được hả giận, lại còn được tiếng mẫn cán là khác nữa.

2. Nếu bỏ từ *vì* nói trên đi thì sự liên kết ý giữa câu chứa nó và câu trước nó có bị mất hẳn đi không ? Vậy nó có tác dụng gì ở đây ?

II – Bài học

Cũng như nhiều yếu tố ngôn ngữ khác, các phương tiện liên kết câu không chỉ có tác dụng nối kết các ý trong các câu lại với nhau, mà đồng thời chúng còn có tác dụng diễn đạt những sắc thái ý nghĩa kèm theo. Và ngay cả việc có dùng hay không dùng một phương tiện liên kết câu nào đó, thường có tác dụng diễn đạt những sắc thái ý nghĩa kèm theo.

Các sắc thái ý nghĩa kèm theo trong việc dùng phương tiện liên kết câu rất phong phú, đa dạng và tinh tế.

Sau đây là một số trường hợp dễ nhận biết :

1. Dùng phương tiện thuộc phép nối khi cần làm rõ các mối quan hệ, hoặc khi cần diễn đạt các lí lẽ

Ví dụ :

Lí lịch của ông huyện Hinh cũng xấu thật. *Bởi vì* ngồi huyện nào, ông cũng bị dân kiện. *Mà* quan trên xét ra ông lại trễ nải việc quan. Đời làm quan của ông chỉ có hai việc chính : đánh bạc và chơi gái.

(Nguyễn Công Hoan)

thuongmait

Nếu không có các quan hệ từ *bởi vì, mà*, mối quan hệ giữa các câu trên vẫn thế : hai câu sau giải thích cho câu trước. Tuy nhiên cách dùng không có quan hệ từ sẽ kèm sắc thái kêu ca, chỉ trích, hơn là giảng giải sự thật.

2. Dùng phương tiện thuộc phép thế phải phù hợp với nội dung ý của câu chứa nó

Ví dụ :

Hoài Văn xô mấy người lính Thánh Dực ngã chúi, xăm xăm xuống bến. Một viên tướng hốt hoảng chạy tới, níu áo Hoài Văn lại. *Quốc Toản* tuốt gươm, mắt trừng lên một cách điên dại :

– Không buông ra, ta chém !

Lính ập đến giữ lấy *Hoài Văn*. Thực ra, vì nể *chàng* là một *vương hầu*, nên họ đã để cho *chàng* đứng đây từ sáng. [...]

(Nguyễn Huy Tưởng)

Hoài Văn, Quốc Toản, chàng, vương hầu cùng chỉ về một người – người có tên là Quốc Toản.

Khi miêu tả bình thường, tác giả dùng tên hiệu *Hoài Văn* với sự kính trọng thông thường từ phía lính và quan đứng canh ở đấy đối với người có chức tước, có tên hiệu, khi người này "nổi nóng" "tuốt gươm" mắt trừng một cách điên dại thì tác giả nói đến một con người cụ thể có khí chất như vậy, cho nên gọi tên người đó ra – *Quốc Toản*.

Còn lính giữ là giữ người có tên hiệu *Hoài Văn*, vì họ phải coi trọng người bề trên về chức tước (tước hầu), có tên hiệu chứ không phải giữ người thường dân không có tên hiệu.

Khi gọi Quốc Toản bằng *chàng* là tác giả muốn nói đến người thanh niên bình thường có khí phách, không tính đến tước vị, tên họ ; muốn nói đến một người công dân trẻ tuổi.

3. Dùng phương tiện thuộc phép lặp là muốn thu hút chú ý vào khía cạnh nào đó, tô đậm nó

Ví dụ :

Bỗng một tiếng chuông gọi. Cậu lệ dạ giật một tiếng, rồi ù té chạy. Con mẹ Nuôi nhìn theo, biết rằng buồng quan ngồi ở chỗ ấy. *Nó* đánh liều tiến đến, vừa tiến vừa lo. *Nó* bước chân lên thềm, trống ngực bắt đầu nổi mạnh. *Nó* đã trông thấy ông quan. *Nó* lại sợ nữa. Vì lo sợ quá, nên quên đứt rằng chính *nó* đi trình việc mất trộm. *Nó* lại tưởng như *nó* là đứa ăn trộm vậy. *Nó* rón rén, đứng nép vào cạnh cửa, thập thò, ghé vào trong, và lắng tai nghe. *Nó* thấy quan đang dặn cậu lệ xuống bảo nhà bếp ninh cho thật dừ cái chân giò.

(Nguyễn Công Hoan)

Nhờ được lặp lại nhiều lần, *nó* đã thu hút chú ý của người đọc, khiến người đọc như đang cùng tác giả quan sát từng cử chỉ, hành động của *nó* – con mẹ Nuôi. Cấu trúc câu có *nó* làm

chủ ngữ và vị ngữ là những hành động ngắn, e dè cũng được lặp lại giúp thu hút sự quan sát về những hành động nối tiếp của một con người.

Các phương tiện thuộc những phép liên kết khác nhau không chỉ có tác dụng nối kết các ý giữa các câu chứa chúng, mà còn có tác dụng diễn đạt những sắc thái ý nghĩa tinh tế kèm theo. Cả việc có dùng hay không dùng những phương tiện nào đó cũng có thể có tác dụng này.

Các sắc thái ý nghĩa kèm theo này rất phong phú, đa dạng và tinh tế. Sau đây là những trường hợp thường dễ thấy :

– Dùng phương tiện thuộc phép nối khi cần làm rõ các mối quan hệ, hoặc khi cần diễn đạt các lí lẽ.

– Dùng phương tiện thuộc phép thế phải phù hợp với nội dung ý của câu chứa nó.

– Dùng phương tiện thuộc phép lặp là muốn thu hút chú ý vào khía cạnh nào đó.

thuongmaitr

III – Bài tập

1. Đọc phần trích sau đây và cho biết những chỗ in nghiêng có quan hệ liên kết với những từ nào, tổ hợp từ nào, theo phép liên kết nào :

(1) Tôi giấu giếm vợ tôi, thỉnh thoảng giúp ngấm ngầm lão Hạc. (2) *Nhưng* hình như lão cũng biết vợ tôi không ưng giúp lão. (3) Lão từ chối tất cả những cái gì tôi cho lão. (4) Lão từ chối một cách gần như là hách dịch. (5) *Và* lão cứ xa tôi dần dần...

(6) Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. (7) Những người nghèo nhiều tự ái vẫn thường *như thế*. (8) *Họ* dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng. (9) Ta khó mà ở cho vừa ý họ...

2. Cách dùng từ *và* ở đầu câu 5 trong *bài tập 1*, ngoài nhiệm vụ liên kết câu chứa nó với câu đứng trước, còn có thêm sắc thái ý nghĩa gì nữa.

3. Từ cá nhân *lão Hạc* đến *những người nghèo nhiều tự ái*, đến *họ*, tác giả đã thực hiện được ý định gì ?

4. Viết một chuỗi câu, dùng phương tiện thuộc phép nối có kèm việc diễn đạt sắc thái ý nghĩa nào đó.

5. Viết một chuỗi câu, dùng phương tiện thuộc phép thế có kèm việc diễn đạt sắc thái ý nghĩa nào đó.

6. Viết một chuỗi câu, dùng phương tiện thuộc phép lặp kèm việc diễn đạt sắc thái ý nghĩa nào đó.

Tiết 31

LUYỆN TẬP

truongxua.vn

I – Nội dung

1. Các phương tiện dùng liên kết câu có phải chỉ có giá trị liên kết không mà thôi không ?

2. Có phải bao giờ cũng phải dùng các phương tiện thuộc phép nối để phơi bày mối quan hệ giữa các câu ra không ?

3. Nếu trả lời phủ định ("không") cho 2 câu hỏi trên, thì vì sao mà trả lời như vậy ?

4. Kể ra một số sắc thái ý nghĩa đi kèm với các phương tiện liên kết câu.

II– Bài tập

1. Tại sao tác giả lại dùng *mụ vợ* mà không dùng *vợ* hoặc *bà Hai, bà ấy*... trong phần trích sau đây :

Tối nào cũng vậy, cứ đến lúc con bé lớn ông Hai Thu thủ que đóm cháy lập lòe trong chiếc nón rách tất tả đi từ nhà bếp lên, và bà Hai ngồi ngây thuỗn cái mặt trước đĩa đèn dầu lạc, lẩm bẩm tính những tiền cua, tiền bún, tiền chuối, tiền kẹo... thì ông Hai vùng dậy sang bên gian bác Thứ nói chuyện.

Không hiểu sao cứ đến lúc ấy ông Hai lại thấy buồn. Nằm nghe tiếng súng dội trong đêm tối và nhất là cái tiếng rì rầm tính toán tiền nong của *mụ vợ* tự nhiên ông sinh ra nghĩ ngợi vẩn vơ, nó bực dọc làm sao ấy. Mà ông, thì ông không thích nghĩ ngợi như thế một tí nào. Ông vốn là người hay làm, ở quê, ông làm suốt ngày, không mấy lúc chịu ngơi chân ngơi tay. [...]

(Kim Lân)

2. Từ *mụ vợ ở bài tập 1* giúp liên kết câu chứa nó với câu nào ? Nó thuộc phép liên kết nào ? Ngoài tác dụng liên kết, nó còn cho thấy được nhân vật Hai Thu là người như thế nào ?

thuongmaitr

3. Tìm những phương tiện liên kết câu thuộc phép nối và phép lặp trong phần trích sau đây :

Nó phải có năm hào đôi. Năm hào đôi mới thành đồng bạc được. Vừa bản nãy, nó giở ra cho cậu lệ xem, và lại buộc cẩn thận vào dải yếm. Không lẽ đồng hào ấy có ma, đã biến đi đâu mất chóng thế được. Vậy chỉ quanh quẩn ở trong buồng này mà thôi. Nhưng nó đã tìm kĩ lắm rồi. Mà trình đơn tám hào, tất nó bị quan chửi. Không biết làm thế nào được, nó tần ngần, chắp hai tay, vái :

– Lạy quan lớn ạ

Rồi nó lùi lũi bước ra cửa. Rồi nó đi về... Ông huyện Hinh cứ ngồi yên sau bàn giấy để nhìn theo con mẹ khốn nạn. Rồi khi thấy nó đi đã khuất, ông mới đưa mắt xuống chân, dịch chiếc giày ra một tí. Và vẫn tự nhiên như không, ông cúi xuống,

thò tay, nhặt đồng hào đôi sáng loáng, thổi những hạt cát nhỏ ở đế giày bám vào, rồi bỏ tọt vào túi.

(Nguyễn Công Hoan)

4. Cách dùng lặp quan hệ từ *rồi* ở đoạn văn cuối trong *bài tập 3* có tác dụng minh họa cho từ nào trong câu :

Không biết làm thế nào được, nó tần ngần, chắp hai tay, vái :

– Lạy quan lớn ạ.

5. Hãy tìm trong văn bản có sẵn, chuỗi câu chứa phương tiện liên kết thuộc phép nối có kèm sắc thái ý nghĩa nào đó.

6. Hãy tìm trong văn bản có sẵn, chuỗi câu chứa phương tiện liên kết thuộc phép thế có kèm sắc thái ý nghĩa nào đó.

truongxua.vn

Tiết 32

ÔN TẬP HỌC KÌ II

I – Nội dung

1. Đổi trật tự cú pháp trong câu bao gồm những trường hợp cụ thể nào ?

2. Đối ngữ là gì ? Đối ngữ bao gồm những trường hợp cụ thể nào ?

3. Liệt kê là gì ? Trình tự chuỗi liệt kê thường do những nhân tố nào quy định ?

4. Câu hỏi tu từ là gì ? Câu hỏi tu từ thường được dùng trong những trường hợp nào ?

5. Có phải bao giờ ta cũng có thể dùng các biện pháp tu từ không ?

II- Bài tập

1. Phân tích cấu tạo của các câu thơ sau đây, tìm các biện pháp tu từ đã học :

Tôi muốn cô đơn dịu bớt sầu
Nên tôi yêu nó, có gì đâu !
Tình thương vô ý gây nên tội
Tôi đã tù, sao bắt nó tù ?

Sao nỡ dù trong giây phút thôi
Bắt con chim nhỏ hận câm lời
Sao không trả nó về mây gió
Cho nó say sưa uống ánh trời ?

Tôi dẫu dành cơm mớm nó ăn
Đủ làm sao được : thiếu không gian !
Sao tôi không hiểu sao không hiểu ?
Để tội tình chưa, nó chết oan !

(Tố Hữu)

thuongmaitr

2. Phân biệt câu hỏi tu từ với câu hỏi dùng để hỏi trong phần trích trên.

3. Viết một bài nhỏ hay một đoạn bài trong đó có sử dụng biệp pháp tu từ đổi trật tự cú pháp hoặc đối ngữ.

4. Viết một bài nhỏ hay một đoạn bài trong đó có sử dụng biện pháp tu từ liệt kê hoặc câu hỏi tu từ.

Tiết 33

ÔN TẬP HỌC KÌ II *(tiếp)*

I – Nội dung

1. Điều kiện để các câu liên kết với nhau là nội dung của mỗi câu phải hướng về cái gì ?

2. Để liên kết câu với câu, có thể dùng những phép liên kết nào ?

3. Trong phép thế, thường gặp những cách cụ thể nào ?

4. Trong phép nối, thường dùng những phương tiện cụ thể nào ?

5. Phép liên tưởng được xây dựng trên những quan hệ giữa cái gì với cái gì ?

6. Việc dùng các phương tiện liên kết câu có phải chỉ có mỗi tác dụng liên kết câu với câu không ?

II – Bài tập

1. Tìm các phương tiện liên kết câu thuộc phép nối trong phần trích sau đây :

(1) Nếu người mẹ trở về, và nếu có thể đem đàn con ra trận được, trường hợp này chắc là chị sẽ cho chúng theo. (2) Nhưng lũ trẻ không cần biết điều đó. (3) Trong cuộc giành nhau này, đứa nào cũng đinh ninh rằng sắp được ôm súng theo mẹ ra mặt trận. (4) Bởi vì đối với chúng xem ra chẳng có gì cản trở : con đường đất giồng Tam Ngãi vẫn rộng rãi, sạch mát, ngày ngày đạn đại bác giặc khoét sâu từng mảng trên đó nhưng cũng không cản được chúng chạy qua chạy lại, mẹ chúng cũng vẫn đi trên đó từ nhà ra mặt trận, rồi lại từ mặt trận trở về. (5) Còn bầu trời Tam Ngãi của chúng thì ngay cả trong hơi bom nổ hay trong giấc ngủ cũng vẫn xanh biếc, mênh mông.

2. Câu (5) trong phần trích ở *bài tập 1* liên kết với câu nào trong đó và bằng phép liên kết nào thông qua từ *bầu trời* ?

3. Tổ hợp từ *điều đó* ở câu (2) có tác dụng liên kết câu này với câu nào không ? Hãy diễn đạt đầy đủ ý chỗ này thay vì tổ hợp từ *điều đó*.

4. Hãy viết hoặc tìm một chuỗi câu có liên kết bằng phép liên tưởng hoặc phép nghịch đối.

5. Hãy viết một chuỗi câu có dùng phương tiện liên kết thuộc phép nối hoặc phép thế và một chuỗi câu tương đương không dùng các phương tiện đó nhưng nội dung cơ bản vẫn không khác. Nói về tác dụng của việc có dùng và không dùng các phương tiện liên kết trong 2 chuỗi câu đó.

thuongmaitr

MỤC LỤC

		Trang
Tiết 1.	Hiện tượng chuyển loại của từ	3
Tiết 2.	Luyện tập	7
Tiết 3.	Ôn tập	9
Tiết 4.	Ý và lời	10
Tiết 5.	Hiển ngôn và hàm ngôn	15
Tiết 6.	Luyện tập	17
Tiết 7.	Câu phủ định, câu khẳng định	19
Tiết 8.	Luyện tập	23
Tiết 9.	Hành động phủ định	25
Tiết 10.	Luyện tập	28
Tiết 11.	Câu bị động	29
Tiết 12.	Luyện tập	33
Tiết 13.	Lời dẫn trực tiếp, lời dẫn gián tiếp	34
Tiết 14.	Dấu câu : dấu ngoặc kép, dấu hai chấm, dấu chấm lửng	39
Tiết 15.	Luyện tập	45
Tiết 16.	Luyện tập (tiếp)	46
Tiết 17.	Ôn tập học kì I	48
Tiết 18.	Đổi trật tự cú pháp	50
Tiết 19.	Đối ngữ	55
Tiết 20.	Liệt kê	58
Tiết 21.	Câu hỏi tu từ	61
Tiết 22.	Luyện tập	64
Tiết 23.	Liên kết câu	66
Tiết 24.	Phép nối	70

tuongxua.vn

Tiết 25.	Phép lặp	74
Tiết 26.	Phép thế	78
Tiết 27.	Phép liên tưởng, phép nghịch đối	82
Tiết 28.	Phép trật tự tuyến tính	87
Tiết 29.	Luyện tập	91
Tiết 30.	Phép liên kết và giá trị diễn đạt	**93**
Tiết 31.	Luyện tập	97
Tiết 32.	Ôn tập học kì II	**99**
Tiết 33.	Ôn tập học kì II (tiếp)	100

thuongmaitr

uongxua.vn

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 8

1. Tiếng Việt 8	*tái bản*
2. Văn học 8, tập một	*tái bản*
3. Văn học 8, tập hai	*tái bản*
4. Tập làm văn 8	*tái bản*
5. Lịch sử 8, tập một	*tái bản*
6. Lịch sử 8, tập hai	*tái bản*
7. Địa lí 8	*tái bản*
8. Giáo dục công dân 8	*tái bản*
9. Vật lí 8	*tái bản*
10. Hóa học 8	*tái bản*
11. Đại số 8	*tái bản*
12. Hình học 8	*tái bản*
13. Sinh học 8	*tái bản*
14. Kĩ thuật 8 *(Gia công vật liệu)*	*tái bản*
15. Kĩ thuật 8 *(Chăn nuôi - Nuôi cá nước ngọt)*	*tái bản*
16. English 8	*tái bản*
Tiếng Pháp 8	*tái bản*
17. Mĩ thuật 8	*tái bản*
18. Âm nhạc 8	*tái bản*
19. Dàn bài tập làm văn 8	*tái bản*
20. Bài tập Tiếng Việt 8	*tái bản*
21. Bài tập Đại số 8	*tái bản*
22. Bài tập Hình học 8	*tái bản*
23. Bài tập Vật lí 8	*tái bản*
24. Bài tập Hóa học 8	*tái bản*

thuongmaitruongxua.vn

TIẾNG VIỆT 8

In 60.000 bản, (QĐ.1C) khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Nhà máy in Diên Hồng.
Số in : 85. Số XB : 767/125 – 98. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 1999.

Mã số : 2H822T9

Giá : **2.800 đ**